

VĂN BIA CHÙA THIÊN MỤ



Chùa Thiên Mụ.

Chùa Thiên Mụ trong thăng trầm lịch sử

Chùa Thiên Mụ là một cổ tích nổi tiếng ở vùng Thuận Hóa, không rõ đích xác ra đời từ bao giờ, nhưng đã thấy Dương Văn An miêu tả trong sách *Ô Châu cận lục* do ông nhuận chính năm 1555: 天姥寺金茶縣江淡[河溪]社之南上居山頂下枕江流超塵世之三千近天邊之咫尺客有散步登臨不自知其發善心消俗慮誠方丈之景致也 - *Thiên Mụ tự: Kim Trà huyện Giang Đạm / Hà Khê xã chi nam, thượng cư sơn đỉnh, hạ chảm giang lưu, siêu trần thế chi tam thiên, cận thiên biên chi chí xích. Khách hữu tản bộ đăng lâm, bất tự tri kỳ phát thiện tâm, tiêu tục lự. Thành phương trượng chi cảnh trí dã*” (Chùa Thiên Mụ: ở phía nam xã Giang Đạm, huyện Kim Trà, trên ở đỉnh núi, dưới gối dòng sông, vượt hẳn ba nghìn cõi thế, gần kề gang tấc cung trời. Khách có dạo bước lên chơi, bất giác nẩy lòng lành, tan niềm tục. Đúng là một cảnh Tiên Phật vậy).⁽¹⁾ Đúng ra là xã Hà Khê, người chép nhầm mặt chữ nên viết Giang Đạm. Xã Hà Khê là một xã cổ, thành lập vào thời Trần - Hồ, địa bàn rất rộng, về sau chia làm xã Xuân Hòa, xã Kim Long và ấp Vạn Xuân. Phía tây xã có một cái gò cao ăn ra bờ Sông Hương, cây cối xanh um, tốt đẹp, có cái thế “long bàn hổ cú” (rồng cuộn cọp ngồi).

Có lẽ thời cổ, người Champa đã dựng ở đây một ngôi đền tháp thờ nữ thần Po Nagar (Y Na), rồi sau năm 1307 bị hư hỏng dần và sụp đổ; người Việt đến ở, sửa

sang lại thành chùa, nhân tên Y Na mà gọi là Thiên Mục... Trải qua lâu ngày chầy tháng, gần nửa thế kỷ sau, ngôi chùa hắt xuống cấp trầm trọng, và may mắn được Nguyễn Hoàng làm một cuộc đại trùng hưng năm 1601, để rồi tên tuổi nó đi vào lịch sử, gắn liền với triều đại họ Nguyễn xứ Đàng Trong. Nguyễn Khoa Chiêm là người đầu tiên chép lại câu chuyện chúa Tiên nghe nhân dân địa phương kể rằng họ gặp bà lão áo đỏ ở đồi Hà Khê, bà bảo: “*Đời sau nếu có bậc quốc chủ muốn bồi đắp mạch núi làm mạnh cho Nam triều thì nên lập chùa thờ Phật, cầu thỉnh linh khí trở về nơi núi này để phúc dân giúp nước, tất không có gì phải lo*”.⁽²⁾ Chúa nghe kể, rất mừng, bảo rằng: “*Ấy là bà lão bảo ta mở nền định đất, biến nhà thành nước để nên nghiệp lớn*”. Rồi lập tức phát thiện tâm, cho xây dựng chùa, vẫn dùng lại tên Thiên Mục.⁽³⁾ Đây là một hành động mang tính chính trị của chúa Tiên, vì trước đó, ông rất ghét Phật giáo, “*mỗi khi có việc chay đàn sám nguyện cầu phúc, thường chỉ chuộng dùng đạo sĩ, không dùng tăng thích*”... thế mà bây giờ lại “*ái mộ đạo Phật từ bi, khuyên việc thiện, trồng duyên lành*”.⁽⁴⁾ Chùa xây xong, năm sau, nhân ngày Tết Trung Nguyên (lễ Xá tội vong nhân, rằm tháng Bảy, gọi là Vu Lan Bồn), ông cho tổ chức cúng Phật, tụng kinh giải oan cầu phúc rất linh đình...

Nhưng phải đến đời cháu ông là Nguyễn Phúc Lan đời phủ chính vào Kim Long, mới chú ý chăm sóc chùa Thiên Mục. Cuối thế kỷ XVII, nhà sư Thạch Liêm Thích Đại Sán có an trú tại đây một thời gian chờ ngày thuận gió trở về nước (1695); ông kể trong *Hải ngoại kỷ sự*: “*Đêm 15 trời mưa, ra đến chùa Thiên Mục. Chùa này tức vương phủ ngày xưa [?], chung quanh có trồng nhiều cây cổ thụ, day mặt ra bờ sông; trước chùa, ngư phủ tiêu phu tập nập sớm chiều. Trong chùa, cột kèo chạm trổ rất là tinh xảo*”.⁽⁵⁾ Chúa Nguyễn Phúc Chu là người có công lớn nhất đối với chùa Thiên Mục. Ông cho đúc quả đại hồng chung cúng chùa, lạc khoản đề ngày Phật Đản năm Canh Dần (24/5/1710); sau đó lại đại trùng hưng, làm thêm nhiều cơ sở năm Giáp Ngọ (1714) và viết bài văn khắc vào bia đá đầu mùa đông năm Ất Mùi (1715). Chuông và bia nay đều vẫn còn, và cùng với biển hoành “*Linh Thụ cao phong*” là những di vật cổ nhất tại chùa Thiên Mục.

Thời gian quân Trịnh chiếm đóng Phú Xuân (1775-1800), chùa bị bỏ hoang, điêu tàn dần. Dật sĩ Ngô Thế Lân nhân đi qua đây, không nén được niềm cảm khái, làm bài thơ *Quá tây thiên tự* (Qua chùa thiên ở phía tây): *Bảo các quỳnh lâu bán dĩ hoang / Phạm cung y cựu đối tà dương / Khả liên nhị bách niên cơ nghiệp / Bất cập sơn tăng nhất mộng trường*” (Lâu quỳnh gác báu nửa hoang sơ / Điện Phật như xưa nhuộm nắng mờ / Cơ nghiệp hai trăm năm ngán ngẫm / Không bằng sãi núi một cơn mơ). Bùi Huy Bích vào Phú Xuân cũng lên thăm chùa và đã ngậm ngùi hoài cảm: “*Nguyễn gia thất thế bài không tại / Tăng xá thiên gian ngõa bán linh*” (Bảy đời họ Nguyễn tro bụi / Nghìn nếp nhà tăng rã ngôi tường). Tuy cơ sở vật chất đã điêu tàn như thế, nhưng chắc vẫn còn sư sãi, chỉ vì thiếu mất nguồn cung

cấp kinh phí từ cung phủ nên không sửa chữa được mà thôi. Do đó, Phạm Ngô Cầu mới tổ chức một cuộc lễ trai đàn lớn kéo dài ba bảy, hăm một ngày để cầu phúc cho mình theo lời thầy tướng số vốn là gián điệp của Nguyễn Huệ...

Nếu lúc này chùa Thiên Mụ chỉ mới “bán dĩ hoang”, “ngõa bán linh”, thì qua thời Tây Sơn, tình trạng lại càng thảm hại hơn như lời dẫn trong bài thơ *Quá Thiên Mụ tự chỉ tác* (Qua nền cũ chùa Thiên Mụ) của Phan Huy Ích: “*Chùa Thiên Mụ xưa do Hiếu Minh Vương xây dựng, cơ ngơi rộng rãi, tráng lệ, dựng bia đá trắng, khắc văn ghi việc, có chiếc khánh đá quý từ phương Tây đưa về treo ở gác chùa. Đó là cảnh đẹp bậc nhất của rừng thiền ở miền Nam Hà. Mùa đông năm Canh Thìn [1796], tôi vâng mệnh đi công cán ở Phú Xuân, từng qua văn cảnh thăm chùa. Trước đây, quan quân [Tây Sơn] triệt bỏ các đền chùa cũ. Mùa xuân, đem chiếc khánh quý để vào trong điện, nền chùa còn lại thì san đi để đắp đàn. Ngày Hạ chí, vua ra tế thần Đất. Thấy còn lại một tòa Phật đường làm nơi vua ngự. Ngoài ra, nào viện, nào am đều đổ nát không còn gì, chỉ còn tấm bia đá rêu phong đứng sừng sững bên đường cái, với những người kiếm củi qua lại nơi đây. Tôi ngẫu nhiên lại thăm chốn cũ, bùi ngùi xúc cảm*”.⁽⁶⁾

Cứ thế, đến khi Nguyễn Phúc Ánh khôi phục được Phú Xuân thì chùa Thiên Mụ không còn gì! Năm Ất Hợi, đúng một trăm năm sau lần đại trùng tu của chúa Nguyễn Phúc Chu, vua Gia Long phải nhờ đến Đặng Đức Siêu, người trước kia ở khu vực này,⁽⁷⁾ nhớ lại và phác họa đồ án kiến trúc theo quy mô cũ để tái kiến và phần lớn được bảo lưu cho đến bây giờ. Theo *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, đợt tái kiến này có điện Đại Hùng, 5 gian 2 chái, 5 gian tiền đường hợp làm một tòa, bốn chung quanh mái cong; điện Di Lặc 3 gian 2 chái, một lầu chuông, một lầu trống; hai đình bia lục giác, một cửa nghi môn 3 gian, bốn chung quanh tường gạch cao 5 trượng, mỗi mặt tả, hữu, hậu đều mở một cửa, đại khái là “*nhân chùa cũ mà sửa mới lại để truyền thống tích*”. Chùa Thiên Mụ lấy lại phong độ xưa, xứng đáng là một đại danh lam đất Thần kinh. Vua Minh Mạng chẳng làm thêm gì, nhưng tổ chức nhiều đàn chay ở đây, mặc dù trong tư tưởng, ông chỉ chuộng Nho học chứ không mặn mà gì lắm với Phật giáo. Năm 1844, vua Thiệu Trị xây dựng thêm tháp Từ Nhân,⁽⁸⁾ sau đổi Phước Duyên, và đình Hương Nguyễn, lại làm nhiều thơ khắc bia đá dựng ở chùa, trong đó có bài nhan đề *Thiên Mụ chung thanh*, liệt vào bộ *Thần kinh nhị thập cảnh*. Thời Tự Đức, vua sai Bộ Công sửa chữa nhỏ vài lần chứ không thay đổi gì, đặc biệt năm 1862, ông xuống lệnh cấm dùng hai từ “thiên”, “địa”, vì hai từ ấy chỉ hai đối tượng rất đáng kính trọng, nên đổi tên chùa thành Linh Mụ.⁽⁹⁾ Người ta cho rằng ông kiêng tránh đề cầu tự, nhưng vẫn chẳng ứng nghiệm gì, nên đến năm 1869 thì đình chỉ lệnh ấy. Trận bão lớn năm 1904 làm sụp đổ đình Hương Nguyễn và hư hỏng một số hạng mục. Năm 1907, chùa được trùng tu, vật liệu của đình Hương Nguyễn đem vào dựng thành điện thờ Quan Công trên

nền cũ điện Di Lặc (thay điện cũ cũng đã sụp đổ), các tòa Thập điện Minh Vương ở hai bên điện Đại Hùng bị triệt giải. Từ đó đến nay, quy mô chùa không thay đổi bao nhiêu. Các cơ sở kiến trúc bố trí theo một trục dọc từ trước ra sau: cổng trụ biểu, tháp Phước Duyên, điện Đại Hùng, điện Di Lặc (sau là điện Quan Thánh, nay là điện Địa Tạng), điện Quan Âm.

Trong lần Pháp tái chiếm Việt Nam, bọn xâm lược đóng quân tại chùa Thiên Mụ, chúng phá phách không ít, như dỡ cửa, chẻ kinh khắc gỗ để làm củi đun nấu. Sau khi chúng đi rồi, thì nhân dân chung quanh lại kéo nhau đến nung nấu để tránh bom đạn, tự khí, vật dụng cũng mất mát một số. Cảnh chùa trở nên hoang tàn một thời gian dài. Năm 1958, Viện Bảo tồn Cổ tích mở một cuộc đại trùng tu, tuy rất cố gắng để giữ nguyên dấu cũ, nhưng không tránh khỏi những sai lệch đáng tiếc...

Văn bia tại chùa Thiên Mụ



Tháp Phước Duyên.

Chung quanh tháp Phước Duyên là năm nhà bia và một nhà chuông (treo quả chuông của chúa Nguyễn Phúc Chu). Cổ nhất là bia khắc bài văn của chúa Nguyễn Phúc Chu. Bia cao 2,50m, trừ phần đầu bằng đá trắng thì thân bằng đá cẩm thạch xám cao 1,93m, rộng 1,14m, dày 0,24m, tai bia dài 0,60m, chỗ rộng nhất 0,23m; trán chạm rồng, đầu và một đoạn thân uốn lượn giữa mây lửa; đường giáp thân bia có dải thủy ba (sóng nước); phần trung tâm chạm nổi một ô chữ nhật đứng khổ 0,30m x 0,20m, khắc các chữ Hán “Ngự kiến” (ngang, trên) và “Thiên Mụ tự” (dọc, dưới), kèm dấu ấn “大越國阮主永鎮之寶 Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo”, chưa biết có đúng kích cỡ thực tế không, Nguyễn Công Việt mô tả:

“Dấu hình vuông, kích thước 11 x 11cm, viền ngoài để rộng 1,1cm, 9 chữ triện bên trong xếp thành 3 hàng dọc, mỗi hàng 3 chữ. Lối triện tự viết theo kiểu thời Lê Trịnh, nét chữ vuông vức, uốn nhiều nét. Đó là 9 chữ Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo (bảo vật của chúa Nguyễn nước Đại Việt trấn giữ lâu dài). Hình dấu khắc đề lên dòng chữ ghi niên đại lập bia Vĩnh Thịnh thập nhất niên tuế thứ Ất Mùi sơ đông chi cát nhật lập. Cách dưới chữ “lập” 3cm là hình một dấu hình tròn có đường kính 6,8cm khắc hình lưỡng long chầu vào một hàng chữ Hiệp nhất chúa nhân (bậc chúa nhân thu hợp tất cả)”.⁽¹⁰⁾ Ngoài ra, còn có các dấu ấn nhỏ như

ấn “Ngọc kim nhãn trắng” hình thuẫn đứng cỡ 4,0cm x 2,5cm ở đầu góc phải lòng bia; ấn “Hiệp nhất chủ nhân” hình tròn, đường kính 6cm ở dưới lạc khoản, chạm hình rồng, dưới bảo ấn; ấn “Đại khối giả ngã dĩ văn chương” hình vuông không gờ, cạnh 6cm, ở góc trái dưới lòng bia. Diềm bia cũng chạm hình rồng uốn lượn châu hỏa châu, đường nét mềm mại rất đẹp. Bia lắp trên lưng con rùa đá từ đầu đến đuôi dài 2,00m, cao 0,51m, ngang 1,58m, chạm hoa văn hình bát giác. Rùa nằm trên bệ chân quỳ, cũng liền một khối cẩm thạch, mặt vuông mỗi cạnh 1,50m. Bài văn khá dài, nét chữ khắc chân phương, rõ ràng; nội dung ca ngợi đạo Phật, tự hào về đất nước, kể lại quá trình tôn tạo và mô tả ngôi chùa, cuối cùng bày tỏ ước nguyện tồn tại lâu dài cùng với trời đất.

Hai tấm bia bằng đá thanh tiếp theo khắc thơ văn của vua Thiệu Trị. Một tấm cao 1,78m, ngang 0,91m, dày 0,25m; đầu bia ở chỗ cao nhất là 0,48m, chiều ngang 1,05m, chạm rồng mây, hoa sen cánh phượng; viền chung quanh rộng 0,45m, chạm hồi văn; lòng bia rộng 0,765m, khắc bài *Ngự chế Thiên Mục tự Phước Duyên bảo tháp bi*, dựng năm 1846, nội dung ca ngợi Đức Phật Thích Ca, đạo pháp huyền diệu của ngài và quá trình xây dựng bảo tháp; đề là một khối đá thanh nguyên hình chân quỳ rộng 0,65m, dài 1,24m, cao 0,53m, chạm hoa lá. Tấm thứ hai cao 1,76m, ngang 0,90m, dày 0,25m; đề và trang trí cũng như tấm thứ nhất, dựng năm 1846, khắc nhiều bài thơ của vua Thiệu Trị, đầu tiên là bài *Thiên Mục chung thanh*. Còn lại là một tấm bia của Bộ Công khắc dựng năm 1899 sau khi sửa chữa chùa nhân ngày mừng thọ 90 tuổi của Thái hậu Từ Dũ (Phạm Thị Hằng) và một tấm bia khắc thơ văn của vua Khải Định năm 1920. Dưới đây, xin dịch cả 5 bài văn bia ấy.

1. Bài văn bia của chúa Nguyễn Phúc Chu

Dịch nghĩa:

Chùa Thiên Mục do nhà chúa dựng⁽¹¹⁾

Bài văn và minh dựng lại chùa Thiên Mục tại Thuận Hóa của chúa Quốc Nguyễn Phúc Chu, nội dòng chính Tào Động đời thứ ba mươi,⁽¹²⁾ pháp danh Hưng Long, hiệu Thiên Túng đạo nhân

Từng nghe:

Rỗng thay không tượng,⁽¹³⁾ đạo lớn khó bày; thể Phật hư không, gốc nguồn trong lặng. Các tướng⁽¹⁴⁾ tròn đủ mà giác chiếu tròn đầy. Pháp chẳng hai đường,⁽¹⁵⁾ lý về một nghĩa. Trời còn xoay chuyển, đất chẳng trong ngoài. Đất nước lửa gió, lần lượt bốn vòng.⁽¹⁶⁾ Tính Phật sáng soi, thể ngài trong suốt. Biển thể Phật làm cõi Kim Sắc.⁽¹⁷⁾ Trong cõi Kim Sắc ấy có biển Hương Thủy.⁽¹⁸⁾ Trong biển Hương Thủy ấy có tạng Quang Minh.⁽¹⁹⁾ Lại có Bảo Lâm,⁽²⁰⁾ mùi hoa man mác. Cõi Phật ở khắp nơi, thấy như cát Sông Hằng, ấy là một tạng Quang Minh. Ở được nơi tạng



Bì khắc bài văn của chúa
Nguyễn Phúc Chu năm 1715.

Quang Minh ấy, hẳn là nhờ cái nhân của y báo và chính báo⁽²¹⁾ chẳng? Ai biết cái nhân ấy thì ba thân⁽²²⁾ chẳng có gì sai biệt, bốn cõi trời đất chẳng có gì là gần xa. Tính Phật và tính chúng sinh đều chảy vào biển Tỳ Lư Già Na Trí Tạng.⁽²³⁾

Người có mạch máu, đất có ao đầm. Phía nam biển lớn là khu vực nước Việt ta. Núi non trùng điệp ở tây nam, sóng cồn dào dạt ở đông bắc. Cát vàng bát ngát vây đầm, nước thường yên ổn; cây ngọc chập chùng chắn biển, trời mãi xanh tươi. Năm loài chồng chất, ba ruộng phì nhiêu.⁽²⁴⁾ Cọp tựa nai tơ, chim như phượng đẹp. Xưa nay tục tốt, vui được người hòa. Ôm tính thiện để làm tông, lấy lòng lành mà xử sự. Ở Nho chuộng Thích, vì chính trị chẳng thể không làm nhân; tin đạo trọng tăng, góp nhân quả mà nghĩ điều trồng phúc. Đất nước thái bình, thân tâm an lạc.

Do đây mà biết:

Ở nhà sang sao bằng nương phượng trưng, cỡi ngựa tốt sao bằng chống gậy tre.⁽²⁵⁾ Chối đời áo gấm, nào giống cà sa; vàng bạc đầy nhà, cũng thành trống rỗng. Ăn mãi đồ sang, mới ước mùi cơm hẩm; nghe hoài tiếng nhạc, mới mong tiếng tụng kinh. Nay gặp thời giàu thịnh, lại tìm chốn mừng vui. Cả đời lẫn đạo, chẳng trái đôi đường. Kính nhớ năm xưa từng mời ngài Đường đầu hòa thượng đắc pháp hứ Đại Sán, tự Thạch Liêm; ý nguyện sâu xa, lòng lành rộng rãi; báo y khôn xiết, mở đạo ba thừa.⁽²⁶⁾ Tu hành thì có tông chỉ, như cây nước thì có gốc nguồn. Ngài sinh ở Chiết Tây, được truyền tâm giới. Ta từ vâng đánh thét, thấy thấy nước sữa hòa nhau như rót mật trao tâm ấn.⁽²⁷⁾ Ta lại muốn nối gót đến Linh Sơn, chỉ thẹn mình không trí sáng; canh cánh khẳng khẳng giữ mối đạo cao vời. Chợt ung đốc tài mình không nghĩ, gánh vác hện ngày. Được pháp lâu năm, nguyện xây cột vàng lầu ngọc. Chọn đất vùng thượng du Thuận Hóa, núi phụng non loan chia nhánh, từ phía tây Kim Long đổ xuống, vượt núi băng đồng, bày rèm kết dệm. Đất nhấp nhô tụ lại một gò bên trái cạnh dòng sông, đẹp để trong lành chi xiết! Theo chỗ cũ ngôi chùa thiền Thiên Mục, làm lại mới cảnh bụi ở trời Nam. Góp quyền ngọc trắng, chẳng tiếc bạc vàng. Hễ phép nước đã truyền ra, thì lính tráng kiêm thợ mộc thợ nề⁽²⁸⁾ không sợ nổi nhọc nhằn liên tục, nhân dân giúp sức không ngại chi năm

tháng kéo dài. Công trình lớn lao, sai phách thêm các quan cần chính, chuông cơ, đại chuông cơ, vĩnh chuông, giám miên. Quan phó giám tu họp quân chọn lựa, trong nhiều lấy ít, trong ít lấy khéo, dùng sức của họ mà thưởng công cho họ. Thành thật để lấy lòng tin, ơn oai thấy đều đúng bậc. Thi công giục thợ, ròng rã một năm tròn mới xong.

Từ cửa núi vào có điện Thiên Vương, điện Ngọc Hoàng, điện Đại Hùng, nhà Thuyết Pháp, lầu Tàng Kinh. Hai bên thì lầu chuông lầu trống, điện Thập Vương, nhà Vân Thủy, nhà Tri Vị, nhà Thiền, điện Đại Bi, điện Dược Sư, tăng liêu thiền xá không dưới số mười sở. Đằng sau thì vườn Tỳ Da⁽²⁹⁾ và phương trượng cũng không dưới số mười sở. Thấy đều ngọc vàng rực rỡ, khiến người xem lóa mắt vui lòng, y như lột tạng Quang Minh trong cõi Kim Sắc vậy. Ta lấy làm mừng rỡ, không ngừng mở rộng việc Phật, ở lại vườn Tỳ Da một tháng, hằng ngày thường ngắm xem. Lên đến lầu Tàng Kinh, bỗng nhiên thư thái, dựa lan can đưa mắt nhìn. Phía đông thì mặt trời đẹp treo lơ lửng, rực rỡ soi dọi cho mọi loài nảy nở sinh sôi. Phía nam thì núi ngất nghìn trùng, đỉnh cao chón chở, mịt mờ trong mây trắng mênh mông, xinh xắn giữa sắc màu bát ngát; sừng sững non tươi, mở ra nền văn minh của đất nước. Phía tây thì thông xanh bách biếc, sườn núi như bình phong che chở cửa thiền. Phía bắc thì trông về phủ chính,⁽³⁰⁾ rậm rạp tre xanh phủ rợp, muôn nhà vườn tược tốt tươi, gió mát phất phơ thổi nghìn cửa ngõ. Cảnh đẹp bày ra trước mắt, họa công khó vẽ nên tranh. Trong chùa trang nghiêm, bao người chiêm ngưỡng. Lấy sự thành tựu của sáu món⁽³¹⁾ để lưu truyền cho ức muôn đời.

Bỗng nghĩ tới pháp số⁽³²⁾ nảy ra, từ một sát na đến một lạc sát, từ một lạc sát đến một câu kỳ, từ một câu kỳ đến một tăng kỳ, từ một tăng kỳ đến một cao xuất, từ một cao xuất đến bất khả chuyển. Không ngăn không chặn, không thiếu không cùng. Thành trú hoại không,⁽³³⁾ chẳng xuôi chẳng ngược. Kỳ diệu tuyệt vời, há chẳng xa đây ư? Tóm lại, quay về thánh đế,⁽³⁴⁾ chứng ngộ rõ ràng. Mong nước nhà được an ninh vững chắc, vua tôi được thọ mệnh lâu dài. Bốn cảnh thanh bình, muôn dân lạc nghiệp. Ngoài ngõ nghe vỗ bụng hát nghêu,⁽³⁵⁾ trong nhà thấy gảy đàn thổi sáo. Đời cũng hòa nhập vào đạo vậy.

Từ nay trở lại, nối trước ở sau, lấy pháp pháp để truyền trao, thấp đèn đèn cho sáng mãi.... Thầy ta đã khuất, lại ngóng cao tăng; cõi gậy sắt bay vượt núi đồi, ngời thuyền từ bay qua biển Việt; cùng tuyên diệu kệ, giúp ngời tông phong. Chạnh nghĩ người đời mộng sâu chưa tỉnh, nâng chiếc búa mà mở mang núi đẹp, kéo dòng nước động chảy mau, phủi lớp bụi như gương báu. Cùng nhau làm lợi, tìm hiểu trời người. Nguyễn họ Nguyễn ta gốc gác xa gần, cùng lên hội pháp, mãi làm chúa phúc, luôn dựng chùa chiền; nội ngoại thân thích đều chứng bồ đề. Ta được nhận lời khen không dứt, nước trải qua lắm lúc được mùa. Trời đất mở mang, nông thương phát đạt; binh mạnh nước giàu, giữ nghề yên thửa. Điều ấy quả là tốt đẹp

biết bao! Các quan xin ta viết để ghi lại mỗi đạo cho rõ ràng, tỏ bày ước nguyện, lòng không mỗi một. Bền kéo bút ghi trước, làm mình nổi sau. Minh rằng:

Cõi nam nước Việt chừ, sông núi xinh tươi.
Ngôi chùa tráng lệ chừ, nắng chiếu ngời ngời.
Tĩnh thì trong lặng chừ, suối chảy bồi bồi.
Nước thì yên ổn chừ, bốn cảnh thanh thoi.
Chẳng làm mà hóa chừ, Nho Thích cùng nơi.
Nay ghi cảnh đẹp chừ, nhân quả chuyên đời.
Dựng nền lập móng chừ, thành thực để đời...

Ngày tốt đầu mùa đông năm Ất Mùi, Vĩnh Thịnh thứ 11.⁽³⁶⁾

2. Văn thơ trên hai bia của vua Thiệu Trị

2.1. Bài văn bia tháp Phước Duyên

Dịch nghĩa:

Bia tháp báu Phước Duyên tại chùa Thiên Mụ do vua làm



Bia khắc bài văn tháp báu Phước Duyên của vua Thiệu Trị dựng năm 1846.

Trẫm nghe:

Nhà Nho⁽³⁷⁾ có nói: “*Nghe thấy điều thiện thì nhắc bảo nhau, trông thấy điều thiện thì dẫn dò nhau. Ai khéo dùng người thiện thì được làm chủ nhân dân*”. Xưa [Đức Phật] ở trời Đâu Suất,⁽³⁸⁾ giảng thần nơi Tây Vực⁽³⁹⁾ gặp thừa Chu Chiêu,⁽⁴⁰⁾ đạt đạo cõi Niết Bàn nhằm thời Chu Mục.⁽⁴¹⁾ Thường nói pháp thì bảo: Mọi loài sinh ra đều do nhân mà tạo nên nghiệp,⁽⁴²⁾ thần thức ba đời chẳng tiêu mòn. Hễ làm việc thiện hay việc ác, thế nào cũng có báo ứng. Chứa dần nghiệp tốt, gột bỏ xấu xa, trải qua vô số hình hài, rèn dũa tinh thần sáng suốt, rồi mới thành đạo được. Cho nên gọi là bậc Đại Giác, tức là đạt đến chỗ cùng lý tận tính.⁽⁴³⁾ Đạo ấy trống rỗng nhiệm mầu, kỳ diệu vượt hẳn đời thường. Cái tâm thì không thể nhận biết bằng trí não, cái hình thì không thể đo lường bằng thước cân. Cùng làm với muôn vật mà lại ở chỗ

không làm, cứ phát lời nói năng mà lại đứng ở nơi không nói.⁽⁴⁴⁾ Chẳng phải có mà không thể là không, chẳng phải không mà không thể là có. Vắng lặng, trống rỗng, sự vật không thể đo lường được! Nổi lên lòng từ không nguyên do, đáp lại cái tên có then chốt. Đến thời Hán Minh Đế⁽⁴⁵⁾ thì đạo cứu trăm loài, pháp truyền nghìn thừa.

Nói về dấu vết thì hạnh khắp ba kỳ, tướng tròn trăm kiếp. Giáng thần mà ngồi voi ngọc, giấu sáng mà sinh minh vàng. Ba mươi hai diêm lành mở ra nơi địa phủ, trăm mười tám tướng tốt động đến chốn thiên cung.⁽⁴⁶⁾ Về thiêng bằng bạc nghìn phương, thần sáng ruổi rong tám cõi. Kể rõ gốc nguồn thì từ lâu chứng được viên minh, cát bụi tính không bằng tuổi thọ; đã sớm lên nơi tịch chiếu,⁽⁴⁷⁾ rỗng quang lường chẳng nổi thể thân. Mở rộng tâm bồ đề, khuyên người làm thiện; gắng dùng sức phương tiện,⁽⁴⁸⁾ giúp chúng về lành. Ấy là cái căn nguyên kỳ diệu làm nảy sinh điều lành và cái ơn đức sâu xa để phát triển đạo hạnh vậy. Cho nên “nói những lời về điều lành thì mọi người ở ngoài nghìn dặm cũng đáp ứng”, “đức không có thầy thường, cốt lấy cái thiện làm thầy”. Trút bỏ phiền toái, thêm vào điều thiện, không gì bằng khuyên dân nắm giữ phép tắc luân thường, yêu lẽ phải, quý đức tốt, khen điều lành, ghét việc dữ. Lấy những cái đó để dạy dân cho dày dặn thì dân càng ngày càng nghiêng về điều thiện mà không tự biết mình đã làm điều thiện. Ấy là: “Ai nảy đều biết cái đẹp là đẹp thì cái xấu kia sẽ mất đi, đều biết cái lành là lành thì cái chẳng lành kia sẽ mất đi”.⁽⁴⁹⁾ Tám điều của sách *Đại học* rốt cuộc cũng ở chỗ “đạt đến nơi chí thiện”.⁽⁵⁰⁾ Tuy “pháp chẳng hai dòng nhưng đạo gồm một lẽ” vậy.

Nước Đại Nam ta, trời sinh bậc thánh gây dựng non sông, mở mang đất nước. Xem xét dạng hình sông núi, có kia đồng phẳng Hà Khê, nổi một gò cao như rồng quay đầu ngoảnh lại. Trước thì bao quanh Hương thủy, cội nguồn đạo vị sâu xa; sau thì ngăn chặn Bình hồ, cội lặng tịnh thanh tỏ rõ. Hỏi dò mới biết lúc hiện ra, Bà Trời bảo rằng: “Đề vâng mệnh trời, thuận lòng dân, vị chân chúa dựng lên chùa Phật, quy tụ khí thiêng cho vững bền long mạch”. Quả đúng như lời, vào năm thứ bốn mươi bốn, Tân Sửu,⁽⁵¹⁾ bèn xây chùa Thiên Mục ở núi ấy để nêu rõ đất phúc phát diêm lành, định thủ đô vậy. Bậc thánh lần lượt ra đời, duyên lành phủ tràn khắp chốn. Năm thứ mười chín, Canh Dần,⁽⁵²⁾ đúc quả chuông lớn; năm thứ hai mươi ba, Giáp Ngọ [1714], làm lại nhà chùa, trải một năm thì xong; năm Ất Mùi [1715] dựng bia bày tỏ cho đời sau biết. Từ đấy, điện Phật, lầu kinh, phòng thiền, nhà giảng... liên tiếp nối nhau, dàn hàng cao ngất, nghiêm nhiên là phong quang Thửu Lĩnh vậy. Năm Gia Long Ất Hợi [1815] làm lại, chói lợi vách vàng; rồi đến năm Minh Mạng sửa sang, nguy nga cõi Phật. Hết thấy là để bày tỏ lòng thành vì dân cầu phúc vậy. Ngôi chùa được xây dựng cho đến nay đã trải hai trăm bốn mươi lăm năm, danh lam thắng tích bây giờ vẫn còn.

Trăm vâng nhờ ơn trước, mở rộng nhân xưa, tuổi tiên⁽⁵³⁾ mong giúp kéo dài, nguyên cữ hãy cho rộng khắp; đáng từ nhân⁽⁵⁴⁾ sống mãi, ơn kể thế còn lâu... Nay

nhằm lúc quốc gia thông thả, gặp hội xã hội bình yên, lấy kho nhà nước xây tháp bảy tầng, mở rộng duyên lành, ra ơn khắp chốn. Ta bèn tự vạch quy mô, sai Thống chế quân Hữu Dực thuộc dinh Vũ Lâm là Hoàng Văn Hậu phụ trách việc sửa sang xây dựng, từ năm Thiệu Trị Giáp Thìn [1844] đến năm Ất Ty [1845], trải hai năm mới xong. Từ đỉnh núi vươn lên không trung, tháp cao đo theo thước cũ được tám mươi bảy thước, theo thước hiện nay là năm trượng ba thước hai tấc.⁽⁵⁵⁾ Tất cả đều không tốn của dân, chỉ lấy kho Thiên Phủ,⁽⁵⁶⁾ chỉ dùng quân Túc Vệ, ra công xây dựng, thông thả hoàn thành. Đỉnh cao bên cạnh dựa kê, hiệu là Hương Nguyên; tháp quý lung trời vút thẳng, tên đặt Phước Duyên. Rộng suy giác ngộ quần sinh, phước duyên muôn thiện; sáng tỏa hóa thông tứ đại, công đức mười phương. Ôn Phật sâu bền, lòng người thỏa nguyện. Trong bảy tầng tháp, mỗi tầng đều kính thờ đức Thế Tôn thân vàng như vàng trắng tròn thường soi dọi.⁽⁵⁷⁾ Căn cứ vào điển lệ thờ cổ Phật còn đến ngày nay, thì tầng thứ nhất là Phật quá khứ Tỳ Bà Thi, tầng thứ hai là Phật Thi Khí, tầng thứ ba là Phật Tỳ Xá Phù, tầng thứ tư là Phật Câu Lưu Tôn, tầng thứ năm là Phật Câu La Hàm Mâu Ni, tầng thứ sáu là Phật Ca Diếp, tầng thứ bảy là Phật Trung Thiên Điều Ngự Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Văn Phật, Tây Thiên Cực Lạc Pháp Vương, đứng hầu có tôn giả A Nan và Ca Diếp.⁽⁵⁸⁾ Dáng vẻ trang nghiêm, ngọc vàng rực rỡ, chẳng khác gì Cấm Viên⁽⁵⁹⁾ vậy.

Trước nhà chùa dựng cái tháp nhỏ, trong tháp lại có bảy tượng vàng quý, cũng như trong thế giới Kim Sắc có biển Hương Thủy; tạng Quang Minh ở chỗ tốt cùng của biển Hương Thủy. Tự tính⁽⁶⁰⁾ không về nơi không chỗ về; phước lớn từ tâm sinh ra chứ không ở nơi nào khác. Trong một niệm có thể thi hành sáu ba la mật đa.⁽⁶¹⁾ Tâm không sinh không diệt, tức là đạo thường. Cho nên: tháp cao thì đạo càng cao, phước rộng thì duyên càng rộng. Nguyện cầu sung sướng, giữa đất trời mà giảng mặc mây lành; chót vót hiên ngang, nêu vạn cổ mà tung bừng nắng đẹp. Bảy tầng lấp lánh, lên rồi trông tám hướng huy hoàng; trăm nhận thênh thang, chiếu suốt cho ba đường⁽⁶²⁾ giác ngộ. Trong veo nước lặng chảy về, xa tuôn biển pháp; lúp xúp núi bày bên dưới, ngẩng ngẩng non thiêng. Tiếng chuông xuyên cây lá, vào cõi viên thông; bóng tháp chọc vòm trời, chứa nguồn chứng giác. Lễ Vu Lan gặp hội, hăm một buổi,⁽⁶³⁾ mở đạo trường trên bộ dưới sông; nén chiêm bặc⁽⁶⁴⁾ xông hương, mấy nghìn phương, bày thuyết pháp cõi âm cõi thế. Bảy tầng tháp quý, cùng trời tự tại mãi còn; một tấm lòng thành, với Phật chân như hỷ nguyện. Dao Đài ban phước, giữ gìn cho tuổi thọ dồi dào; quỳnh phái dãi soi, che chở được niềm vui bền bỉ.⁽⁶⁵⁾ Nhà yên nước trị, ức muôn năm cơ nghiệp vững bền; gió thuận mưa hòa, khắp mọi chốn nhân dân giàu đủ. Trong êm ngoài lặng, hát hò bú mớm ngoài đường; vua sáng tôi hiền, hội họp mừng vui trong điện. Miền tịnh độ đã vun trồng cõi phúc, chốn bảo châu⁽⁶⁶⁾ sẽ gặt hái duyên lành. Ngày thiên càng sáng, ơn nước luôn còn. Chớ bảo hư vô là cõi chết, hẳn có chứng minh; ngẫm nhờ cảm ứng được điềm hay, chắc tròn nguyện ước.

Ôi! Đạo từ bi lấy thiện làm gốc, ghi khắc điều thiện trong tâm, thì tâm tức là Phật. Sách *Luận ngữ* nói: “Chọn điều thiện mà theo nó”. Sách *Dịch* nói: “Quân tử ngăn chặn điều ác, nêu cao điều thiện, thuận theo trời, vui với mệnh”. Sách *Thư* nói: “Người làm việc thiện thì trời ban cho trăm điều lành”. Xem những lời ấy đủ biết đạo Phật chẳng những không làm hại nước nhà, mà còn ít nhiều bổ ích cho việc giáo hóa người ta theo vương đạo vậy. Các quan ở Nội Các cúi xin ta dùng văn chương để nói rõ việc tôn sùng Phật giáo và biểu dương thắng cảnh. Ta chẳng nề chối từ. Trong lúc muôn việc rảnh rang, lấy giấy mực làm vui thú, kéo bút ghi chép bài minh cho mọi người biết.

Minh rằng:

Trời yêu ban mệnh chừ, sinh bậc thánh nhân.
Mở cõi Nam ta chừ, ơn giúp cho dân.
Gắng gỏi siêng năng chừ, đô đóng Phú Xuân.
Dạy người làm thiện chừ, như thánh lòng nhân.
Cảnh chùa thêm sáng chừ, cảnh đẹp tuyệt trần.
Việc nước đổi dời chừ, xoay mãi pháp luân.
Cơ đồ bền vững chừ, tháp quý canh tân.
Lên đài nhân thọ chừ, phước lộc đồng cân.

Dựng vào ngày tốt tháng Tư năm Thiệu Trị thứ sáu.⁽⁶⁷⁾

2.2. *Bia khắc thơ của vua Thiệu Trị*

Tạm dịch:

[Bài 1] **Thơ vua làm: Tiếng chuông Thiên Mụ**

(Thắng cảnh thứ mười bốn ở Thần kinh)⁽⁶⁸⁾

Chùa Thiên Mụ: Mái đình rạng rỡ, sông núi thiêng liêng. Ròng cuộn quay đầu xa châu Đế khuyết; cộp ngời gương mặt cúi ngó Hương Giang. Mở mang pháp giới ở hoa sen; bao quát chân thuyền trong lá bối. Trời mến thánh mà đặt nền, thần nữ hiện ra chốn ấy; thánh vâng trời mà chứa phước, phạm cung xây dựng núi kia. Nên đặt tên này, để lưu cảnh đẹp. Rõ ràng ý thánh, trọn vẹn duyên lành. Văn bia đọc thêm sáng ngời cửa Phật; tiếng chuông nghe càng thấm đượm mùi thiền.

Bên sông gò nổi mái chùa thiên,
Vằng vặc trắng tròn tự tại thiên.
Trăm tám tiếng rền tan uất kết,
Ba nghìn cõi thể tỉnh trần duyên.
Ngân nga giữa ngo u minh cảm,



Bia khắc thơ vua Thiệu Trị.

Văng vẳng tàn canh đạo vị huyền.
 Dấu bụi công vua trùm vũ trụ,
 Nhân lành quả tốt khắp trăm miền.

[Bài 2] Lên chùa Thiên Mụ, sai các hoàng tử và hoàng đệ dâng hương cúng Phật, nhân đó làm được một bài thơ ngụ ý

Quý nhất là điều thiện,
 Ai không mến thiện đâu?
 Nghĩa nhân thâm hẹn trước,
 Trí tuệ vốn theo nhau.
 Cửa thánh bao trùm rộng,
 Cửa thiền biến hóa mau.
 Ba duyên⁽⁶⁹⁾ từ không có,
 Một diệu chứa cao sâu.
 Trí tuệ thân tâm suốt,
 Bỏ đề phước quả thâu.
 Mây lành che núi biển,
 Mưa tốt gội toàn châu.^(a)

[Bài 3] Chợt làm khi lên chùa Thiên Mụ

Chùa thiêng cảnh đẹp tiếng xưa truyền,
 Nay đã hai trăm bốn chục niên.^(b)
 Chiêm bậc xông hương trời tự tại,
 Bỏ đề bóng rợp đất minh viên.
 Mạch rồng thịnh vượng yên ngôi chúa,
 Đỉnh Thửu xanh tươi rạng cửa chiền.
 Nhân chính noi theo ơn tổ trước,
 Làm lành chứa phước tạo cơ duyên.

[Bài 4] Rằm tháng Bảy ở chùa Thiên Mụ.

Đêm ấy trong chùa cảnh đẹp thay!
 Trên bờ dưới nước mở đàn chay.
 Gió đưa chuông vọng dài trên núi,
 Sóng gợn trăng ngần tháp giữa mây.
 Dù lộng đua chen về cõi thiện,

Xe thuyền xuôi ngược viếng chùa tây.
 Nguyện cầu ban phước muôn dân đủ,
 Bát ngát gồm thấu mọi diệu đầy.

[Bài 5]*

Thời tiết xoay vần, hết hè sang thu. Gần đây, nhiều tuần không mưa. Ta lo lắng cho dân, thương xót nhà nông không lúc nào yên, đã từng sai quan Phủ thừa⁽⁷⁰⁾ phủ Thừa Thiên là Nguyễn Trung Nghĩa làm lễ cầu mưa ở miếu Hội Đồng,⁽⁷¹⁾ nhưng hai lần đều không ứng nghiệm. Thực sợ nắng lâu ngày liên tiếp ắt lúa hỏng cả. Lòng ta trọng cái gốc, cứ nghĩ mãi đến cái ăn của dân, vội cho xây tháp báu Phước Duyên ở chùa Thiên Mụ. Việc xong, ngày mồng sáu tháng Bảy này, các hoàng tử rước tượng vàng đức Thế Tôn lên bảo tháp, tụng kinh chúc mừng. Quan Thị vệ đại thần Lâm Duy Nghĩa viết kinh Phật, hoàng tử bé cầm đưa ta xem. Chính ta đang lúc mong mưa, tình cờ đề thêm trên đầu sách rằng: “Đến nay gặp tiết hạn thu, khắp chốn cầu mong ơn nước. Xin phủ mây lành sớm ứng, trước nữa chiêu linh; ban cho mưa pháp gội nhuần, sau thêm ứng nghiệm”. Ngày ấy, quả thấy mây đen tụ đầy, rồi mưa lành ướt đẫm, rơi xuống dạt dào, mịt mù phơi phới. Đã không có cái hại ngả nghiêng xiêu đổ trên mặt đất, lại được thêm niềm vui sướng khoái cho con người. Theo lời tâu của quan chương Đề đốc phủ Thừa Thiên là Nguyễn Văn Đức thì cơn mưa ấy đã tưới đầy tràn ruộng lúa, vườn rau, đâu đâu cũng đều thỏa dạ. Lại theo lời tâu của quan Bộ Công, thì đoàn thuyền vận tải bảy tám chục chiếc về kinh, ngày ấy tiến thẳng vào cửa biển, đều không sợ sóng gió, cập bến an toàn. Nguyên ý ta lo cho vụ thu, nên cầu ơn trên giúp dân là chính, lại e trong chuyến vận tải đường biển ấy, nếu gặp mưa lớn, sấm nổ, gió gào, sóng dậy, ắt tránh sao khỏi nhiều người chết. Tự cười mình như người nước Kỳ lo trời sập,⁽⁷²⁾ bâng hoàng bối rối. Nhưng một niềm thương dân sớm chiều canh cánh, chợt đề trên sách kinh Phật, thành thật cầu xin, ước mong soi xét. Nào ngờ cảm ứng trong khoảnh khắc, mưa đổ dầm dề mà không có gió to sét lớn. Ấy đúng là mưa pháp giúp dân, cho nên được cả đôi đường tốt đẹp. Sự cảm thông đến thế là cùng tốt rồi! Ta bèn làm một bài thơ để tỏ lòng biết ơn sâu sắc vậy.

Tháp bảy tầng cao đạo mở nguồn,
 Xây xong cầu đảo ứng lời luôn.
 Mây lành cao thấp dăng dăng phủ,
 Mưa pháp xa gần phơi phơi tuôn.
 Sức Phật ngấm hay qua buổi hạn,
 Ôn trời kính tạ giúp dân thôn.

* Bài này không có nhan đề, mà mở đầu bằng một bài văn. Ta có thể xem bài văn ấy là nhan đề vậy.

Vạn cầu vạn ứng đều như nguyện,
 Một niệm nam vô đức Thế Tôn.

[Bài 6]

Lên tháp báu Phước Duyên

Rõ ràng nhân trạch đội ơn trên,
 Bảy bậc phù đồ⁽⁷³⁾ tạo phước duyên.
 Thấy khắp non sông lòng thấy nhẹ,
 Còn lưu chùa miếu đạo còn nguyên.
 Nấu nướng đầu gậy⁽⁷⁴⁾ thương mà vớt,
 Linh hiển ngoài khơi⁽⁷⁵⁾ phép cũng huyền.
 Tám vạn bốn nghìn lời nói pháp,⁽⁷⁶⁾
 Niềm tin khẩn khẩn đạo kia truyền.

[Bài 7]

Đình Hương Nguyện

(Dùng phép tiến thoái)⁽⁷⁷⁾

Dựng tháp xong rồi, lại tụng kinh,
 Nhân xưa đầy đặn phước quần sinh.
 Đèn thiêng cứu độ trong mây nước,
 Bia để lâu dài rạng nhật tinh.
 Dáng vẻ trang nghiêm ba báu⁽⁷⁸⁾ tỏ,
 Bánh xe^(c) quay mãi sáu trần⁽⁷⁹⁾ thanh.
 Khấp trong thế giới theo về thiện,
 Trời đất yên lành tụ vạn linh.

[Bài 8] Lại rằm tháng Bảy, lặng lẽ ngồi thiền, làm để tự răn bảo mình

Một lễ bao hàm, lễ chấp trung,⁽⁸⁰⁾
 Pháp không hai nẻo hóa thân thông.
 Khá thương Hàn Dũ⁽⁸¹⁾ niềm cô trực,
 Đáng tiếc Nguyên Hòa⁽⁸²⁾ chuyện viễn vong.^(d)
 Bàn hội Thanh Đô⁽⁸³⁾ cầu Thái Thượng,^(d)
 Nhớ thuyền Xích Bích^(e) phú Tô Công.⁽⁸⁴⁾
 Lòng người việc thế nghìn năm cũ,
 Hết thấy, Như Lai thuyết giáo đồng.

Ngày tốt tháng Tư năm Thiệu Trị thứ sáu.⁽⁸⁵⁾

Kính khấn.

Nguyên chú:

(a) Hôm ấy, sáng sớm tinh rạo, mặt trời ló ra; khi vào chùa thì mây lành che phủ khắp nơi; về cung yên ổn nghỉ ngơi thì mưa pháp đổ xuống. Nhân đó làm bài thơ để vịnh sự việc.

(b) Bài *Lão Học Am bút ký* của Lục Du nói: Chữ “thập” chuyển thanh bằng, có thể đọc “thâm”. Thơ *Cung từ* của Tống Văn An [Tể tướng Vương An Thạch] có câu (dịch): Ba mươi sáu quán ở cung xuân.

(c) Trên đỉnh dựng bánh xe pháp, thường quay theo chiều gió.

(d) Hàn Dũ trong bài biểu can ngăn vua có nói: “Gần đây, nghe bệ hạ ngày rằm tháng Bảy lên chùa An Quốc xem lễ Phật để cầu phúc, thì chắc rằng lòng người trong thiên hạ [hùa theo], thật đáng thương xót thay v.v. Lại nhân việc rước xương Phật, dâng biểu kịch liệt can ngăn. Vua Hiến Tông nổi giận, toan sai giết đi, nhờ bọn Thôi Xán, Bùi Độ hết sức tâu xin, bèn biếm ra làm Thứ sử ở Triều Châu. Thật đáng xót thương!

(đ) Theo kinh Đạo tạng, ngày ấy [tức ngày mười lăm tháng Bảy, ngày hội Vu Lan Bồn], Thái Thượng Lão Quân và Nguyên Thủy Thiên Tôn hội họp để ban phúc cho thế giới.

(e) Bài *Xích Bích phú* của Tô Thức: Mùa thu năm Nhâm Tuất, tháng Bảy vào đêm rằm, bác Tô cùng khách dong thuyền, đi chơi dưới dòng Xích Bích v.v.

3. Bia ghi việc sửa chữa của Bộ Công

Dịch nghĩa:

Ngày tháng Năm năm Thành Thái thứ mười một [1899].

Kính gặp ngày mừng thọ chín mươi tuổi của đức Từ Dũ Bác Huệ Khang Thọ Thái thái Hoàng Thái hậu,⁽⁸⁶⁾ vâng ban tiền kho trong cung, sửa chữa lớn tháp báu bảy tầng, khiến cho sáng tươi mới mẻ. Kính ghi chép ơn Bà và nêu mãi di tích đẹp đẽ.

4. Bia ghi thơ và lời tựa của vua Khải Định

Dịch nghĩa và tạm dịch thơ:

Do vua làm:

**Đi chơi tháp Phước Duyên ở chùa Thiên Mụ,
tình cờ làm được một bài thơ và tựa**

Mạnh Tử nói rằng: “Một nước gọi là kỳ cựu, không phải là vì có cây cao bóng cả, mà vì có bề tôi nối đời”. Ta nói thêm rằng: “Cũng là vì có danh lam thắng tích nữa”.



Bia khắc thơ văn ngự chế của vua Khải Định dựng năm 1920.

Đức Thái Tổ Gia Du Hoàng đế ta lấy câu thơ Hoành Sơn⁽⁸⁷⁾ quyết tâm dựng nghiệp ở cõi Nam. Đòi truyền rằng ngài gặp Bà Trời ở nơi này cho một nén hương, dặn cầm đi về phía đông ven bờ sông, đến chỗ nào hương cháy hết thì có thể lấy nơi ấy để đóng đô, việc xong thì dựng chùa. Ngài bèn sắc dựng chùa thờ Phật, ban tên là chùa Linh Mục ở núi Thiên Mục.⁽⁸⁸⁾ Đức Hiến Tôn Hiếu Minh Hoàng đế ta sai sửa sang mở rộng, đúc quả chuông lớn, những lúc sớm mai trong mát hay những ban đêm tốt trời, đánh chuông thì tiếng vang xa đến ngoài vài chục dặm, cho nên đúng là vật báu lớn lao của nhà Phật để thức tỉnh người đời. Đức Thế Tổ Cao Hoàng đế ta lúc mới trung hưng, sai Bộ Công đại sùng tu, làm nhà trước ở chùa, cho tên là điện Đại Hùng. Đến đức Hiến Tổ Chương Hoàng đế ta làm lễ thọ bát tuần của Thuận Thiên Cao Hoàng hậu, nhân trước chùa xây tháp bảy tầng, chót vót vượt lên trời Đâu Suất, một tòa trang nghiêm nhìn xuống Sông Hương.

Ngày rằm tháng cuối thu năm Kỷ Mùi [7/11/1919], ta ngồi xe đến chơi, sai hai Bộ Lễ - Công đem thang bắc, trèo lên trên, có bảy tượng vàng quý của các vị Phật quá khứ Thế Tôn, rực rỡ sáng trưng, chói lòa cả mắt. Tháp hương chiêm ngưỡng, trông khắp bốn bề, dùng dằng hồi lâu, tưởng như mình ở chốn Lôi Âm.⁽⁸⁹⁾ Tây ngắm chín lăng, rườm rà khí tốt. Nam trông núi Ngự, thấp thoáng trong mây. Đông thấy thành đô, lâu đài san sát. Bắc nhìn thung lũng, sắc nước pha chàm. Đúng là một cảnh danh lam khác thường của nước ta vậy. Bèn làm xong một bài thơ kèm lời tựa, sai khắc vào đá tốt để ghi lại.

Chiều ghé danh lam Thiên Mục chơi,
Trèo lên nào khác đến Thiên Thai.

Chùa vài dãy lớn bày trên đất,
Tháp bảy tầng cao vút tận trời.
Cảnh ngấm hư vô chi bọt tực,
Gió lửa phảng phát trút lo đời.
Xem quanh thắng tích ghi ơn trước,
Chạnh nhớ công lao sửa lại bồi.

Ngày 27 tháng Mười một năm Khải Định thứ tư [17/01/1920].

CHÚ THÍCH

- (1) Bùi Lương dịch: “Chùa ở phía nam xã Giang Đạm, huyện Kim Trà, nóc ở đỉnh núi, chân gối dòng sông, tưởng như gang tấc bên trời, vượt hẳn ba nghìn thế giới. Những du khách đăng lâm thường lẫn, bất giác lòng lành phát động, niềm tực sạch không, đúng là một cảnh trí non Bồng nước Nhược vậy” (Dương Văn An, sđd, tr. 70). Trịnh Khắc Mạnh và Nguyễn Văn Nguyên dịch: “Chùa ở phía nam xã Hà Khê [nguyên chép 江淡 Giang Đạm, lại nguyên sửa 河溪 Hà Khê] thuộc huyện Kim Trà, nóc sát đỉnh núi, chân gối dòng sông, cách xa trần thế, gần sát bên trời. Khách có tản bộ lên chơi thì tự nhiên phát thiện tâm và tiêu tan niềm tực. Thật là cảnh trí nơi tiên Phật”. (Bản dịch của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Nxb KHXH, Hà Nội, 1997, tr. 79).
- (2) Nguyễn Khoa Chiêm (2003), *Nam triều công nghiệp diễn chí*, bản dịch: Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr. 82.
- (3) Thật ra, ta không biết Thiên Mục là tên có sẵn hay do Nguyễn Hoàng đặt ra. Trong bản dịch *Ô Châu cận lục*, Bùi Lương phiên là Thiên Mỗ. Mỗ hay Mục cũng chỉ là hai cách đọc khác nhau của cùng một chữ Hán mà thôi.
- (4) Nguyễn Khoa Chiêm, *Nam triều công nghiệp diễn chí*, sđd, tr. 86.
- (5) Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại kỷ sự*, bản dịch: Viện Đại học Huế, Huế, tr. 199.
- (6) Ban Hán Nôm (1978), *Thơ văn Phan Huy Ích*, tập II (trong *Dự Am ngâm lục*), Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 118. Nguyên viết “Hiếu Ninh Vương xây dựng”, chúng tôi sửa lại cho đúng (Hiếu Minh Vương là Nguyễn Phúc Chu, Hiếu Ninh Vương là Nguyễn Phúc Chú).
- (7) Đặng Đức Siêu (1750-1810) người gốc ở Bồng Sơn (tỉnh Bình Định), nguyên tên Chiêu, sau vì húy chữ bộ “nhật” của triều Nguyễn nên đổi Siêu. Thời niên thiếu, ông ra ở trọ tại làng Xước Dũ, huyện Hương Trà, phía tây và gần phủ chính Phú Xuân, nhân lấy vợ bản thổ nên làm nhà ở đấy. Năm 1765, ở tuổi 16, ông đi thi và đỗ Hương tiến (cũng như Hương cống ở Bắc và Cử nhân thời Nguyễn), làm quan Viện Hàn Lâm dưới thời Nguyễn Phúc Thuần. Khi quân Trịnh đánh chiếm Phú Xuân (1775), ông lánh ra làng Long Hồ gần vùng cận sơn (nay thuộc phường Hương Hồ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế), mở trường dạy học, làm thơ văn bày tỏ chí hướng mình. Cả chính quyền chúa Trịnh và nhà Tây Sơn đều biết tiếng, mời tham gia, nhưng ông đều cự tuyệt. Năm 1808, được tin Nguyễn Phúc Ánh đã chiếm được Gia Định, ông trốn vào theo, được cất làm Trung dinh tham mưu. Ông luôn luôn bàn mưu tính kế giúp Nguyễn vương, lấy lòng dân làm gốc để trị an và trị loạn. Bấy giờ, dưới thời Cảnh Thịnh, nhà Tây Sơn suy yếu dần vì nội bộ lung củng, tướng sĩ bất hòa với nhau. Nhân cơ hội, Nguyễn vương đánh mạnh, khôi phục được Phú Xuân (1801), đặt niên hiệu Gia Long (1802),

rồi tiến ra chiếm nốt Bắc Hà, hoàn thành cuộc nhất thống. Lúc đầu, ông làm việc ở Bộ Lễ (chưa đặt chức Thượng thư, nên chỉ gọi là Lễ Bộ Đẳng Đức Siêu), mọi văn thư, nghi thức đều do ông soạn định cả. Ông còn kiêm sự phó dạy hoàng tử Đảm (sau là vua Minh Mạng) năm 1805, kiêm quản Khâm Thiên Giám và biên soạn *Thiên Nam thế hệ*, tức phả đồ triều Nguyễn năm 1807. Năm 1809, vua Gia Long thiết lập lại đủ sáu bộ, ông được giữ chức Thượng thư Bộ Lễ. Năm sau (1810), ông mất tại công đường, để lại một số tác phẩm như *Thương Sơn tứ hiệu*, *Trương Lương trùy*, *Tô Vũ tiết*, *Tự tỷ Quán Nhạc* và một số tác phẩm bằng chữ Nôm như *Hồi loan cửu ca khúc*, *Văn tế Võ Tánh* và *Ngô Tông Châu*, *Văn tế Bá Đa Lộc*...

- (8) Có người cho rằng vua Thiệu Trị xây dựng tháp Từ Nhân bảy tầng để kỷ niệm lễ Thánh thọ của Thái hậu Trần Thị Đương, nhưng trong bài *Ngự chế Thiên Mục tự Phước Duyên bảo tháp bi*, ông chỉ viết (dịch): “Nay nhằm lúc quốc gia thông thả, gặp hồi xã hội bình yên, ta lấy kho nhà nước, xây tháp bảy tầng, mở rộng duyên lành, ra ơn khắp chốn”. Lại theo lời dẫn đầu một bài thơ khắc trên bia *Thiên Mục chung thanh*, nhà vua nói rõ (dịch): “Gần đây, nhiều tuần không mưa. Ta lo lắng cho dân, sợ nhà nông mất mùa, đã từng sai quan Phủ thừa phủ Thừa Thiên là Nguyễn Trung Nghĩa làm lễ cầu mưa ở miếu Hội Đồng, nhưng hai lần đều không ứng nghiệm. Thực sợ nắng lâu ngày liên tiếp ắt lúa hồng cả! Lòng ta trọng cái gốc, cứ nghĩ mãi đến cái ăn của dân, vội cho xây bảo tháp Phước Duyên ở chùa Thiên Mục”.
- (9) Ở Huế, chữ “thiên” đọc thành “thiên”, mà “thiên” dịch ra chữ Hán là “linh”.
- (10) Nguyễn Công Việt (2005), *Ấn chương Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 290.
- (11) Nhà chùa dựng: đây nói chùa Thiên Mục do tiên vương Nguyễn Hoàng dựng từ trước (năm 1601), rồi bây giờ chúa Nguyễn Phúc Chu mới trùng tân, làm lại mới. Chùa của chúa, do chúa làm, không phải chùa thường.
- (12) Đời thứ ba mươi: chúa Nguyễn Phúc Chu được sư Thạch Liêm Thích Đại Sán truyền giới, mà Thạch Liêm xưng là đời thứ hai mươi chín dòng Tào Động chính tông.
- (13) Tượng: nghĩa đen là con voi, dùng thay chữ “象 *tượng*”, hình thể vật chất, ý nói đạo pháp không có hình thù nên khó diễn tả hết được, chỉ dùng “tâm” và “trí” mà cảm nhận thôi. Lại đức Phật khi giảng kinh, thường lấy hình ảnh sự vật làm thí dụ cho chúng sinh hiểu, nên cũng gọi là Tượng giáo. Tượng cũng là tướng, hình ảnh, trạng thái của sự vật, của các pháp mà tri giác phân biệt được; phạm những gì có tướng đều là hư vọng; nếu thấy tướng trong phi tướng tức thấy Như Lai.
- (14) Tướng: chỉ thân thể của đức Phật. Hóa thân của ngài cao một trượng sáu, có 32 tướng quý, 80 vẻ đẹp; báo thân của ngài có từ tám vạn bốn nghìn cho đến vô lượng tướng quý (hào tướng) và vẻ đẹp.
- (15) Pháp chẳng hai đường: nguyên văn “pháp bất nhị môn”, cũng như “pháp môn bất nhị”, “bất nhị pháp môn”, chỉ có một lý chân thật, mọi pháp đều bình đẳng, không có sự sai biệt giữa pháp này với pháp kia, gọi là “lý nhất thực bình đẳng”. Bồ tát ngộ nhập lý nhất thực bình đẳng, gọi là nhập bất nhị pháp môn. Phật giáo có tám vạn bốn nghìn pháp môn, mà bất nhị pháp môn ở trên hết, có thể trực tiếp thấy được thánh đạo. Kinh *Duy Ma Cát*: Văn Thù Sư Lý hỏi Duy Ma Cát: “Những gì là Bất nhị pháp môn?”. Duy Ma im lặng chẳng đáp. Văn Thù liền nói: “Hay lắm! Hay lắm! Không có văn tự ngôn thuyết. Đó thật là Bất nhị pháp môn!” (*Từ điển Phật học Hán Việt*, tr. 147).
- (16) Bốn vòng: “tứ luân”, bốn bánh xe xoay vòng với nhau, cũng như “tứ đại”, bốn yếu tố vật chất phối hợp với nhau để tạo thành vật thể theo Phật giáo là địa, thủy, hỏa, phong - đất, nước, lửa, gió (trong lúc theo Nho giáo là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ - kim, gỗ, nước, lửa, đất).

- (17) Cối Kim Sắc: Kim Sắc thế giới, nơi ở của các thứ không bao giờ hư nát như vàng, bền vững, trong sạch, quý báu, tên cối Tịnh Độ của Bồ tát Văn Thù. Chỉ cảnh Phật, thân Phật, chùa chiền.
- (18) Biển Hương Thủy: biển nước thơm bao quanh núi Tu Di. Theo Hoa nghiêm kinh, có hai biển nước thơm, một là của thế giới Liên Hoa tạng (thuộc núi Tu Di), một là của thế giới Sa Bà (cối chúng sinh ở yên với thập ác, không chịu lửa bỏng). Biển nước thơm mang mùi vị cao quý, thiêng liêng từ trong hình sắc phát ra (năm thứ hương là giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến), chỉ người tu hành đạo học uyên thâm.
- (19) Tạng Quang Minh: kho chứa ánh sáng (quang: tự mình phát ra ánh sáng, minh: soi sáng cho các vật khác). Chỉ ánh sáng của Phật, gồm trí quang và thân quang.
- (20) Bảo Lâm: rừng báu, cảnh rừng cây bằng châu ngọc quý hiếm ở thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà. Bảo Lâm còn là tên một ngôi chùa, nơi lục tổ Huệ Năng (638-713) giảng kinh Pháp bảo đàn, nằm ở Tào Khê núi Nam Hoa, cách huyện Khúc Giang (Triều Châu, Quảng Đông) 60 dặm về phía nam, sau đổi là chùa Trung Hưng, rồi chùa Pháp Tuyền, nay gọi là chùa Nam Hoa.
- (21) Y báo và chính báo: Chính báo là kết quả do việc làm của thân đời trước tạo ra cho thân đời nay phải gánh chịu; y báo là kết quả theo bên ngoài thân như nhà cửa, vợ con, cơm áo, của cải, làng xóm, đất nước đưa đến. Gọi chung là quả báo.
- (22) Tam thân: ba thân gồm pháp thân, báo thân và hóa thân.
- (23) Tỳ Lư Già Na Trí Tạng: kho trí tuệ của Tỳ Lư Già Na. Tỳ Lư Già Na (*Vairocana, Mahā Vairocana*), một vị Phật được nói đến trong kinh Hoa nghiêm, bao trùm tất cả các Phật, đức Thích Ca Mâu Ni cũng ở trong đó, *Từ điển Phật học Hán Việt* giải thích là tên chung của pháp thân Phật, tức Đại Nhật Như Lai của Mật giáo; cái mũ của ngài gọi là mũ Tỳ Lư, nay các vị sư chủ lễ đài thường đội.
- (24) Năm loài ba ruộng: năm loài, nguyên văn “ngũ tài”, cũng như ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), năm nguyên tố tạo ra của cái vật chất; ba ruộng tức “tam thổ”, ba bậc ruộng chia theo thể lệ ngày xưa để đánh thuế dựa vào đất tốt hay xấu (thượng đẳng, trung đẳng, hạ đẳng).
- (25) Gậy tre, đứng ra là gậy sắt, gậy thép, các sư cầm theo khi di hành hay khát thực, tiêu biểu cho trí tuệ giải thoát, mà cũng để làm vũ khí phòng thân; chúng tôi đổi ra gậy tre vì thực tế các nhà sư của ta không bao giờ dùng gậy sắt, và cũng để cho câu văn nghe nhẹ nhàng hơn.
- (26) Ba thừa: “Tam xa”, ba cỗ xe, tức tam thừa, ba cách tu hành để đạt mục đích, theo quan niệm thông thường thì hoặc là giải thoát cho riêng mình (Tiểu thừa), hoặc là giải thoát cho mình và cho vài người thân (Trung thừa), hoặc là giải thoát cho mình và cho cả chúng sinh (Đại thừa).
- (27) Trao tâm ấn: cũng gọi là ấn khả, chỉ sự trao truyền đạo pháp từ thầy sang trò của Thiền tông; trực tiếp chứ không qua ngôn ngữ, văn tự (*giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự*), như dấu ấn in thẳng vào tim.
- (28) Ở xứ Đàng Trong, từ thời Nguyễn Phúc Nguyên đã tổ chức các xưởng thợ trong phủ chính, gọi là Tượng ty, Tượng cục; hàng năm, chúa sai quân chính quy đi ra các làng, bắt hết các trai tráng mười tám tuổi trở lên đem về, chia đi học mỗi người một nghề, rồi biên chế vào các thuyền (đơn vị quân đội gồm từ 50 đến 100 lính) theo tập quân sự; sau đó lại chia vào các Tượng cục làm việc, khi có chiến tranh mới sung quân ra trận (theo *Hải ngoại kỷ sự*).
- (29) Vườn Tỳ Da: có người phiên âm là Côn Da, không chính xác. Tỳ Da nguyên là địa danh, tiếng Phạn *Vaisāly*, nơi ở của cư sĩ Duy Ma Cật.
- (30) Phủ chính: lỵ sở của chúa Nguyễn, thủ phủ của xứ Đàng Trong, bấy giờ đặt tại xã Bác Vọng, huyện Quảng Điền (nay thuộc xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế),

hiện không còn dấu tích gì. Chính Nguyễn Phúc Chu đã dời từ Phú Xuân ra đó. Sách *Thực lục* chép: “*Tháng 12 (Tân Mão - 1711), chúa muốn dời phủ sang bãi phù sa (xã) Bắc Vọng. Sai Ký lục Lê Quang Hiến vẽ bản đồ để tiến*”, rồi “*Nhâm Thìn, năm thứ 21 (1712), mùa xuân, tháng Giêng, dựng phủ mới ở Bắc Vọng*” (Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, sđd, tập 1, tr. 174).

- (31) Sáu món: nguyên văn “lục chủng”, có rất nhiều thứ “lục chủng”, như lục chủng chấn động (đức Thế Tôn dùng lực thần thông làm nên sáu chấn động, khiến cho chúng sinh hòa vui), lục chủng chính hành (gồm đọc tụng, quán sát, lễ bái, xưng danh, tán thán, cúng dâng), lục chủng điều phục (sáu phương pháp để đè nén chướng ngại của Bồ tát)... Lục chủng đây có lẽ chỉ chung những thứ vật chất phục vụ công trình xây dựng.
- (32) Pháp số: chỉ các đơn vị thời gian trong Phật giáo. Sát na (ksana) là đơn vị cơ bản: “Khi tráng sĩ đưa ngang cánh tay ra và xếp trở vào thì trải qua 60 sát na”, như vậy, một sát na tương đương 1/60 giây đồng hồ hiện nay; đó là khoảnh khắc của một suy nghĩ. Các đơn vị khác tính xuống theo thứ tự là lạc sát, câu kỳ, tăng kỳ, cao xuất, và cuối cùng bất khả chuyển là đứng yên. Chỉ sự tế vi của đạo pháp nhà Phật.
- (33) Thành trú hoại không: bốn thời kỳ phát triển của một thế giới, gọi là tứ kiếp, gồm: 1. Thành (giai đoạn ra đời); 2. Trụ hay trú (giai đoạn tồn tại, duy trì); 3. Hoại (giai đoạn tan rã); 4. Không (giai đoạn tiêu tan).
- (34) Thánh đế: tức tứ diệu đế khổ, tập, diệt, đạo (xem văn bia chùa Diệu Đế).
- (35) Võ bụng hát nghêu: ca ngợi đời sống thái bình, người người vui làm ăn, tự do thoải mái. Thời Nghiêu Thuấn ở Trung Quốc, có ông già vừa đi vừa vỗ bụng hát: “*Nhật xuất nhi tác, nhật một nhi tức; canh điền nhi thực, tạc tính nhi ẩm. Đế lực ư ngã hà tai!*” (Mặt trời mọc thì làm, mặt trời lặn thì nghỉ; cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống. Sức vua làm được gì cho ta đâu!).
- (36) Tháng Mười năm Ất Mùi, Dương lịch trong khoảng từ ngày 27/10 đến ngày 25/11 năm 1715.
- (37) Chú ý rằng các vua nhà Nguyễn thường dùng sách Nho để giải thích kinh Phật. Đó là ý đồ “Nho hóa” đạo Phật để trị nước (vì hầu như đại đa số nhân dân đều là tín đồ của Phật giáo hay có cảm tình, nghiêng về Phật giáo). Tuy nhiên, chữ “thiện” của nhà Nho không hoàn toàn trùng với chữ “thiện” của nhà Phật. Chẳng hạn, lòng yêu thương với nhà Nho thì có thứ bậc, có xa gần (yêu người thân trước rồi mới yêu người ngoài, mức độ cũng không giống nhau); với nhà Phật thì lòng từ bi cũng là một “bình đẳng pháp”, yêu cha mẹ anh em cũng như yêu tất cả chúng sinh. Và chẳng, nó còn nhiều nghĩa khác, như trong sách *Đại học*, “thiện” không phải là thương yêu, mà là “chỗ tốt đẹp”, “tại chỉ ư chí thiện” là đạt đến chỗ hoàn toàn tốt lành, chẳng hạn bề tôi đối với vua là trung, con đối với cha mẹ là hiếu, bạn bè đối với nhau là tin cậy...
- (38) Đầu Suất: tiếng Phạn *Tushita*, tên một cõi trời, trước gọi là Đầu Suất, Đầu Suất Đà, Đầu Suất Đóa, Đầu Thuật..., nay gọi là Đầu Sử Đa, Đồ Sử Đa, San Đồ Sử Đa..., Hán dịch Diệu Túc, Tri Túc, Hỷ Túc. Đầu Suất là cõi trời chúng sinh nương vào không trung mà ở, một ngày đêm nơi ấy bằng bốn ngàn năm dưới nhân gian.
- (39) Tây Vực: cõi đất phía tây Trung Quốc, đây chỉ Thiên Trúc, tức nước Ấn Độ, nơi đức Phật giảng sinh.
- (40) Chu Chiêu: vua Chiêu Vương nhà Chu ở Trung Quốc cổ, trong khoảng năm 1000-976 TCN, thời gian Đức Phật đản sinh.

- (41) Chu Mục: vua Mục Vương nhà Chu ở Trung Quốc, trị vì trong khoảng 976-921 TCN, thời gian Đức Phật nhập niết bàn. Đức Thích Ca Mâu Ni (Sākya Muni) tức thái tử Tất Đạt Đa Cồ Đàm (Siddharta Gotama) là con vua nước Tịnh Phạn (Souddho-dana, nay là xứ Nepal) ở thành Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu) thuộc nước Thiên Trúc (Ấn Độ), mẹ là bà Ma Da (Maya-devi). Có nhiều thuyết về năm sinh của ngài như: năm 566 TCN, 564 TCN, 544 TCN. Theo kinh Đại bát niết bàn, ngài tịch năm 80 tuổi, Dương lịch năm 486 TCN, cũng có thuyết nói năm 483 hay 487. Như vậy, năm sinh năm mất của Phật đều không phù hợp với văn bia của vua Thiệu Trị.
- (42) Nhân tạo nên nghiệp: “nhân hành nghiệp”, những thứ có tác động để tạo nên kết quả làm thay đổi số phận mà chủ thể phải chịu. Nghiệp (karma) có thể tốt (phúc nghiệp), có thể xấu (tội nghiệp); có loại thân nghiệp (do chân tay tạo ra), khẩu nghiệp (do lời nói tạo ra), ý nghiệp (do suy nghĩ tạo ra); nếu xảy ra trong quá khứ thì gọi là túc nghiệp, nếu xảy ra trong hiện tại thì gọi là hiện nghiệp. Nghiệp do chính mình tạo ra, nên Nguyễn Du mới nói: “Đã mang lấy nghiệp vào thân / Cũng đừng trách lẫn trời gần, trời xa” (*Truyện Kiều*).
- (43) Cùng lý tận tính: Một chủ trương triết học của nhà Nho Chu Hy (1130-1200) thời Tống, thực sự không liên quan gì đến Phật giáo; Chu Hy lại là người bài bác Phật giáo khá tích cực, như Hàn Dũ thời Đường. Triết học của ông tựu trung có thể quy thành ba vế để nhận thức sự vật: Cư kính - Tận tính - Cùng lý. Cư kính là giữ cho mình luôn luôn nghiêm chỉnh, cẩn trọng, tập trung tư tưởng khi cần suy xét một điều gì; tận tính là phải hiểu biết cho kỹ lưỡng, rõ ràng, đến nơi đến chốn cái tính của mỗi một sự vật, nếu không “cư kính” thì không thể “tận tính” được. Từ cái tính của mỗi một sự vật mà hiểu biết được đầy đủ, quán thông hết cái lý chung của vũ trụ vạn vật. Đạt đến đó tức là “cùng lý”, con người sẽ hành động một cách tự nhiên mà hòa hợp với vũ trụ vạn vật, và trở thành thánh nhân.
- (44) Đây thì theo triết học của Lão Trang, “vô vi nhi vô bất vi” (không làm mà không gì là không làm), nhưng nó không giống với Phật giáo. Lão Tử vì thấy các chính quyền đương thời quá lạm dụng luật pháp để cai trị, khiến nhân dân bị áp bức, bóc lột, nên mới đề xướng “vô vi” để chống đối: “Thiên hạ càng cấm đoán thì dân càng nghèo; người nhiều mưu trí thì nước thêm tối tăm; người lắm kỹ xảo thì vật lạ nảy sinh; pháp luật càng rõ ràng thì trộm cướp càng bề bộn”.
- (45) Hán Minh Đế tên Lưu Trang, vua nhà Hậu Hán khoảng năm 57-75. Do nằm mơ thấy người vàng ở ngực có chữ 𩡚 *Vạn*, ông đã cử một phái đoàn gồm 18 người do Thái Hâm và Vương Tuấn cầm đầu sang Thiên Trúc thỉnh kinh, chính thức công nhận đạo Phật.
- (46) Trước khi Phật sinh ra đã có 32 điềm lành báo trước, và khi ngài sinh ra, trên mình có 118 tướng tốt. Chúng tôi chưa gặp ở đâu kể đầy đủ những điềm và tướng ấy.
- (47) Tịch chiếu: cái thể của chân lý gọi là tịch, cái dụng của chân lý gọi là chiếu. Nhà tu hành dứt được phiền não, trở nên tịch tĩnh, thì tâm trí quang minh, chói rạng. Chính trần luận: “Chân như chiếu sáng mà thường tịch là pháp tính. Lặng lẽ mà thường chiếu là pháp thân. Nghĩa tuy có hai tên, nhưng tịch chiếu thì là một” (*Từ điển Phật học Hán Việt*, tr. 1336).
- (48) Phương tiện: tức “tùy phương nhân tiện”, tiếng Phạn *upāya*, dịch âm âu hòa, theo chiều hướng và nhân sự tiện lợi mà làm; tùy cảnh ngộ, điều kiện mà giúp đỡ chúng sinh giải thoát. Có thể giải nghĩa: 1. Phương là phương pháp, tiện là tiện dụng; phương pháp tiện dụng hợp với căn cơ của từng chúng sinh; 2. Phương là đạo lý phương chính, đạo lý đúng đắn, tiện là ngôn từ thiện xảo, lời nói khéo léo; dùng lời nói khéo léo để truyền đạt đạo lý đúng đắn cho chúng sinh.

- (49) Mô phỏng câu nói của Lão Tử trong *Đạo đức kinh*, nhưng ý của Lão Tử thì khác, theo thuyết tương đối, hễ có cái này thì phải có cái kia, người ta biết cái đẹp là đẹp vì có cái không đẹp, biết cái lành là lành vì có cái không lành.
- (50) Sách *Đại học* của nhà Nho tóm tắt lại bằng tám mục là cách vật (hiểu rõ vật), trí tri (biết đến tận cùng), thành ý (suy nghĩ chân thật), chính tâm (giữ lòng ngay thẳng), tu thân (sửa mình cho tốt), tề gia (xếp đặt gia đình cho ổn), trị quốc (sửa sang đất nước), bình thiên hạ (làm mọi người yên ổn). Thật ra, sách này xuất hiện thời Hán, tách một chương trong sách *Lễ ký* ra mà thành. Từ “thiện” ở đây cũng không có nghĩa như từ “thiện” của Phật giáo; xem thêm chú 37 ở trên.
- (51) Tức là năm thứ 40 thời Nguyễn Hoàng, kể từ khi ông vào trấn thủ Thuận Hóa (Mậu Ngọ, 1558), vua Thiệu Trị tính là năm thứ 40, nhưng chính xác phải là năm thứ 44, Âm lịch Tân Sửu, Dương lịch 1601.
- (52) Tức năm thứ mười chín thời Nguyễn Phúc Chu kể từ năm đầu tiên ông nối ngôi (Nhâm Thân, 1691), Âm lịch Canh Dần, Dương lịch 1710.
- (53) Tuổi tiên: nguyên văn “tiên linh”, cũng như “tiên thọ”, chỉ tuổi của Hoàng hậu và Hoàng Thái hậu (vợ và bà nội vua), đối với thánh thọ là tuổi của vua, cũng gọi là vạn thọ; đối với thái tử là thiên thọ.
- (54) Đấng từ nhân: đây chỉ bà Trần Thị Dương (1769-1846), vợ vua Gia Long, mẹ vua Minh Mạng, bà nội vua Thiệu Trị.
- (55) Ông Hà Xuân Liêm nghiên cứu rất tỉ mỉ, nhưng cũng không đo đạc được, chỉ kể lại số liệu của vua Thiệu Trị và phỏng chừng vào khoảng trên dưới 21m hiện nay. Đó là chiều cao từ mặt đất xây dựng mà lên đến đỉnh bình cam lồ.
- (56) Kho Thiên phủ: chỉ trong cung vua, kho riêng dành cho hoàng gia. Vua Thiệu Trị nói “không tốn của dân”, nhưng vàng bạc, tiền của trong kho ấy do đâu mà có? Cung nhân, thị nữ, thái giám... nào có ai lao động sản xuất hay làm gì để thu lợi nhuận “nhập kho”. Cho nên đó cũng là của dân mà thôi!
- (57) Vàng trắng tròn thường soi dọi: cũng có thể hiểu là dáng vẻ các tượng Phật luôn luôn sáng tỏ tròn đầy như vàng trắng.
- (58) Phân biệt tôn giả Ca Diếp là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni và Ca Diếp là vị Phật quá khứ thờ ở tầng thứ sáu. Tôn giả Ca Diếp (Mahā Kaccapa) chính là tổ thứ nhất của dòng thiền Thiên Trúc Ấn Độ, nổi tiếng với nụ cười “niêm hoa”; pháp hữu của ngài là tôn giả A Nan (Ananda, em con chú của Phật Thích Ca) cũng là tổ thứ hai của dòng thiền ấy.
- (59) Cắm Viên: cũng gọi là Cắm Phờng, Cắm Điện, Cắm Vũ (*Từ điển Phật học Hán Việt* phiên âm “cam”), chỉ ngôi chùa Phật, vì tương truyền ở quê Phật, đất màu xanh đậm pha đỏ (cắm), cũng có thuyết nói tóc của Phật màu xanh đậm pha đỏ, phát ra ánh sáng.
- (60) Tự tính: 1. Tự tính (svabhāva, svalaksana; sabhāva) là cái thể hoàn toàn trống rỗng, trong lặng, sáng suốt sau khi cái tâm đã loại bỏ được hết những niệm sinh, diệt, tham, sân, si, xóa bỏ được cái tôi chủ quan lẫn vũ trụ khách quan, mâu thuẫn chủ - khách, vượt lên hẳn mọi thế đối đãi v.v.; 2. Tự tính cũng là chân tính hay Phật tính, hoàn toàn sáng suốt, trong lặng, không chút phiền não, tức là đã giác ngộ hoàn toàn: giác ngộ không ở đâu xa, mà chính là trở lại với tự tính Như Lai của mình, bởi thế mới nói “Kiến tính thành Phật”.
- (61) Sáu ba la mật đa: ba la mật đa (paramita) hay ba la mật, tức “đáo bỉ ngạn”, sang bờ bên kia, đã giải thoát, giác ngộ. Sáu ba la mật đa tức lục độ, chỉ sáu cách để vượt qua biển khổ,

- sang bờ bên kia và giúp người khác vượt qua: 1. Bồ thí; 2. Trì giới; 3. Nhẫn nhục; 4. Tinh tiến (tinh tấn); 5. Thiền định; 6. Trí tuệ, và nhờ vào ba phương tiện: 1. Thật tướng (tự nhiên mà có); 2. Quán chiếu (do quan sát mà có); 3. Văn tự (do kinh điển mà có).
- (62) Ba đường: “tam đồ”, chỉ ba lối đưa con người đến chốn bị hành hạ khổ sở, là hỏa đồ (bị nung đốt ở bảy tầng địa ngục), huyết đồ (bị đầu thai làm súc sinh cho người ta nuôi lớn rồi giết thịt, mổ xẻ băm vằm), đao đồ (bị đâm chém bức bách đến thành quỷ đói khát, ngựa quý).
- (63) Hăm mốt buổi: nguyên văn “tam thất”, ba bảy, tức ba lần bảy là hai mươi mốt. Xem chú thích ở bài văn bia chùa Kim Quang.
- (64) Chiêm bặc: một loài cây hoa vàng, rất thơm, người Ấn Độ gọi là cây campaka, dùng để dâng cúng Phật.
- (65) Dao đài, quỳnh phái: Đài Dao nguyên là tên nơi ở của bà chúa tiên Tây Vương Mẫu trên núi Côn Lôn (tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc), mọi thứ kiến trúc đều bằng ngọc; đây chỉ bà Hoàng Thái hậu. Quỳnh phái là nhánh cây quỳnh, chỉ dòng dõi, con cháu nhà vua nhà chúa tôn quý đẹp đẽ như “cây quỳnh cành dao”.
- (66) Bảo châu: cùng như bảo lâm, chỉ xứ Phật hay chùa Phật.
- (67) Tháng Tư năm Thiệu Trị thứ sáu: tức năm Bính Ngọ, Dương lịch từ ngày 26/4 đến ngày 24/5 năm 1846. Vua Thiệu Trị xây dựng tháp Phước Duyên để đảo vũ, đồng thời nhân đó cầu thọ cho bà nội và cầu phúc cho nhân dân, nhưng ngay trong cuối năm đó, bà Thái hậu Trần Thị Đương qua đời ngày 18 tháng Chín năm Bính Ngọ (6/11/1846).
- (68) Vua Thiệu Trị chọn lọc hai mươi bài thơ tả cảnh vùng Huế, sai khắc bia đá hay biển đồng, dựng hay treo tại chỗ, gọi là “Thần kinh nhị thập cảnh”; cuối các bài đều đề lục khoản *Thiệu Trị tam niên nhuận thất nguyệt cát nhật cung thuyên ngự chế thi nhất thủ* (Ngày tốt tháng Bảy nhuận năm Thiệu Trị thứ ba, kính khắc một bài thơ vua làm).
- (69) Tam duyên: theo Tịnh Độ tông thì niệm Phật sẽ có cộng lực tam duyên: 1. Thân duyên: miệng niệm Phật, Phật nghe thấy; thân kính lễ Phật, Phật trông thấy; tâm niệm Phật, Phật biết ngay; 2. Cận duyên: chúng sinh nguyện thấy Phật, Phật đáp ứng ngay mà hiện ra trước mắt; 3. Tăng thượng duyên: chúng sinh thường niệm Phật thì trừ bỏ được ác nghiệp, lúc chết được Phật Thánh đón rước.
- (70) Phủ thừa: chức quan phụ tá dưới quan Phủ doãn, thủ trưởng của phủ Thừa Thiên. Thời Nguyễn, phủ là đơn vị hành chánh như tỉnh, nhưng trực thuộc triều đình Huế (do vua Minh Mạng chia đặt), và cũng chỉ có một phủ duy nhất.
- (71) Miếu Hội Đồng: miếu do triều đình xây dựng ở kinh đô, thờ thần Thành Hoàng kinh kỳ và Thành Hoàng các địa phương trong cả nước. Thành Hoàng là vị thần bảo hộ lãnh thổ.
- (72) Người nước Kỳ lo trời sập: Kỳ là một nước nhỏ thời Xuân Thu. Một người dân nước ấy lo trời sập thì mình không biết ẩn nấp vào đâu, đến nỗi bỏ cả việc ăn uống. Có kẻ giải thích cho biết rằng trời cũng như trăng sao, chỉ là tinh khí, không thể sập hay rơi, anh ta mới đỡ lo. Ý nói chỉ lo sợ hão huyền, vô lối.
- (73) Phù đồ: cái tháp, còn gọi là tốt đồ ba, phiên âm từ tiếng Phạn *stupa*, một kiểu kiến trúc ở Ấn Độ xưa, làm nơi ở của tăng nhân; sau đổi làm chùa.
- (74) Nấu nướng đầu gây: có nhà sư không chống gây đi, vì cho rằng đầu chiếc gây cũng là một thế giới có loài sinh vật rất nhỏ nướng nấu, mắt người không thấy được, nếu chống xuống đất e làm hại chúng.

- (75) Linh hiển ngoài khơi: giữa biển xa thường có hơi bốc lên thấy như hình lâu đài thay đổi luôn, người ta cho là do một loài sò biển nhả ra. Chỉ sự biến hóa kỳ diệu.
- (76) Tám vạn bốn nghìn lời nói pháp: 1. Đức Phật đã thuyết giảng thành kinh sách ghi lại được tám vạn bốn nghìn chữ, nhưng cuối cùng ngài dạy: “Ta chưa từng nói một lời nào”. Ý khuyên đệ tử muốn đạt đạo thì đừng chấp vào đó, lời ngài cũng như ngón tay chỉ mặt trăng, hãy theo ngón tay mà nhìn, thấy mặt trăng rồi thì chẳng cần ngón tay nữa. Đó là cái nghĩa của “sắc tức thị không, không tức thị sắc”; 2. Phương pháp tu tập rất nhiều như con số tám vạn bốn nghìn pháp môn, tùy theo căn cơ của chúng sinh mà thi hành cho phù hợp, đạt kết quả tốt nhất.
- (77) Tiến thoái cách: thể thơ xuất hiện từ thời Tống bên Trung Quốc, cũng là Đường luật, nhưng không theo lối hiệp vần chặt chẽ như quy định trong *Thi vận tập thành*. Nếu bốn vần các vế trên là những chữ theo một bộ nào đó, thì vần vế cuối cùng dùng chữ thuộc một bộ khác, gọi là tiến cách, ngược lại là thoái cách; hoặc một vần bất kỳ thuộc bộ khác bốn vần kia. Nói theo kiểu ngày nay là có dùng thông vận chữ không phải hoàn toàn là chính vận (ví dụ vần bình thường: không - bông - đông - thông - hồng; vần tiến cách: không - bông - đông - thông - cuồng; vần thoái cách: chuông - không - bông - đông - thông; hay như vần trong bài thơ này: kinh - sinh - tinh - thanh - linh). Chữ gieo vần hơi khác ấy, người ta gọi là “xuất vận” (khác với “lạc vận” là bỏ mất vần).
- (78) Ba báu: “tam bảo”, ba thứ quý của Phật giáo là Phật - Pháp - Tăng.
- (79) Sáu trần: “lục trần” (visaya), sáu thứ bên ngoài là sắc (hình ảnh), thanh (tiếng động), hương (mùi hơi), vị (mùi nếm), xúc (va chạm), pháp (ý tưởng) có thể nhập vào trong ta qua con đường sáu căn (lục căn) mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý làm cho nhớ bản.
- (80) Chấp trung: nắm giữ lấy đạo trung, tức chọn lấy con đường đúng đắn nhất và kiên trì theo đuổi đến cùng, không thay đổi, nghiêng lệch, dựa vào đó để hành xử ở đời. Đây là một chủ trương quan trọng của nhà Nho (“trung” không phải là nửa chừng, ở giữa; Chu Hy giải thích: “Bất thiên chi vị trung”, không nghiêng lệch gọi là trung).
- (81) Hàn Dũ (768-824): người thời Đường, tự Thoái Chi, quê huyện Xương Lê (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), nên người ta gọi là Hàn Xương Lê, tinh thông cả lục kinh lẫn bách gia, đỗ Tiến sĩ năm 792, làm quan trải lắm phen thăng giáng biếm trích lao đao vì tính thẳng thắn. Năm 819, ông viết bài *Nguyên đạo* phê phán kịch liệt Phật giáo, Đạo giáo và dâng sớ can ngăn vua việc rước xương Phật để thờ (*Gián nghênh Phật cốt biểu*), vua Hiến Tông biếm ra làm Thứ sử Triều Châu (nên người ta cũng gọi là Hàn Triều Châu). Ông là nhà văn lớn có tinh thần phục cổ, được đời sau xếp vào hàng bát đại văn gia.
- (82) Nguyên Hòa: niên hiệu của vua Đường Hiến Tông trong khoảng 15 năm (806-821); Ông tên Lý Truân, rất say mê đạo Phật về mặt dị đoan.
- (83) Thanh Đô: theo kinh sách Đạo giáo, Thái Thượng Lão Quân (Lão Tử, tác giả *Đạo đức kinh*) ở tại Thanh Đô (tức Ngọc Kinh, thuộc cõi Trời), đi lại với Nam Hoa Lão Tiên (Trang Chu, tác giả *Nam Hoa kinh*) và Huyền Nguyên Hoàng Đế (hay Nguyên Thủy Thiên Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế).
- (84) Tô công: tức Tô Thức (1037-1101) tự Từ Chiêm, hiệu Đông Pha, người Mi Sơn (tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc) thời Tống, xuất thân trong một gia đình có truyền thống văn học. Trên hoạn đồ, ông bị biếm trích nhiều lần, có lúc suýt chết vì ý chí đấu tranh chính trị. Ông sáng tác đủ thể loại, đặc biệt về văn, cùng cha Tô Tuân và em Tô Triệt được đời sau xếp vào hàng Đường Tống bát đại văn gia. Ông nổi tiếng với hai bài phú *Tiền Xích Bích* và *Hậu Xích Bích*.

- (85) Dương lịch trong khoảng từ ngày 26/4 đến 24/5 năm 1846.
- (86) Bà Phạm Thị Hằng, thân mẫu vua Tự Đức.
- (87) Câu thơ Hoành Sơn: tức là câu “sấm” *Hoành Sơn nhất đái vạn đại dung thân*, tương truyền do Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm mách bảo cho Nguyễn Hoàng. Chuyện kể rằng: Nguyễn Hoàng sai người bí mật ra Hải Dương tham vấn Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm về cách thoát thân. Trạng đang đứng ngắm hòn non bộ trước sân, không nhìn sứ giả, nói bằng quơ: “*Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân*” (một dải Hoành Sơn, nường thân muôn thừa). Rồi sai người nhà tiễn sứ giả. Nghe kể lại, Nguyễn Hoàng hiểu ý, mới nhờ chị xin anh rể cho mình vào trấn thủ Thuận Hóa. Nguyễn Khoa Chiêm trong *Nam triều công nghiệp diễn chí* nói việc này xảy ra vào năm Canh Tý (1600), xét ra không phù hợp, vì năm ấy, Nguyễn Bình Khiêm (1490-1587) đã mất, mà Nguyễn Hoàng cũng đã có cơ sở ở Thuận Hóa rồi. Chính sử triều Nguyễn cũng không đề cập đến, chỉ nói sau khi Nguyễn Uông bị anh rể hại, Nguyễn Hoàng vẫn làm chức Lãnh binh, cầm quân đánh Mạc ở Thanh Hóa; khoảng niên hiệu Thuận Bình (1549-1566), vua Lê Trung Tông khen là “hổ tử”, gia phong tước Đoan quận công, cho làm hữu tướng. Trịnh Kiểm thấy thế sinh ngờ vực, càng ghét bỏ; Hoàng lo sợ, mưu với cậu là Thái phó Uy quốc công Nguyễn U' Kỷ, Kỷ khuyên nên “*giả bị bệnh điên khùng, làm ra cử chỉ thất thường để dò ý tứ*”, rồi nhờ chị xin với anh rể cho mình vào trấn thủ Thuận Hóa. Sách *Hoan châu ký* thì kể chuyện Nguyễn Hoàng trong thời gian bị câu lưu ở Thăng Long (1593-1600), một hôm sau khi bãi châu về, Đoan quận công nhân lúc vắng người, hỏi nhỏ Phùng Khắc Khoan (1528-1613) xin chỉ giáo, Khoan bảo: “Hoành Sơn một dải có thể dung thân, biển cả là hào có thể vạn toàn. Lời nói của người xưa không thể không ghi nhớ”. Phải chăng người xưa là chỉ Nguyễn Bình Khiêm, thầy học của Phùng? Dù sao, đây vẫn là một sự thật lịch sử, với tầm nhìn bao quát, Bạch Vân cư sĩ thấy rõ vùng núi phía bắc đang bị họ Mạc chiếm cứ, thì tất nhiên dải đất hẻo lánh phía nam mới là nơi trốn tránh yên ổn.
- (88) Đây là những sai lầm, chứng tỏ tác giả không am tường về lịch sử; một là mơ hồ về chính tổ tiên mình, lấy việc Nguyễn Phúc Thái dời đô về Phú Xuân (năm 1687) với việc Nguyễn Hoàng xây chùa Thiên Mụ (năm 1601); hai là cái tên Linh Mụ do vua Tự Đức đổi đặt để cầu tự chứ không phải do Nguyễn Hoàng ban cho.
- (89) Lôi Âm: Ngôi chùa ở đất Phật, nơi đức Thích Ca Mâu Ni ngự, còn gọi là chùa Linh Sơn, trên núi Thửu.

PHỤ LỤC

1. Bài văn bia của chúa Nguyễn Phúc Chu

Nguyên văn:

御建天姥寺

國主阮福週嗣洞上正宗三十世法名

興龍號天聳道人鼎建順化天姥寺碑記銘

蓋聞廓然無像至道兮言佛體性空本源清淨諸相具足而覺照圓融法不二門理歸一義天亦旋環地無中外地水火風四輪相因佛性虛明其體湛徹變佛體而為金色界金色界中有香水海香水海中有光明藏復有寶林花香彌漫週遍佛土等恒沙界視一光明藏居此光明藏而依報正報之因與知此因者三身無有差別天地四維無有遠近佛性終生性皆入毘盧遮那智藏之海人有血脈地有揆闢滄海之南吾越之區焉群山迢遞於西南鴻波浩瀚於東北金沙萬步環澤國以長寧玉樹婆娑蔭海天而永茂五材蕃庶三錯膏滋虎似驪虞鳥如祥鳳古來俗美喜得人和咸性便以爲宗更心良而應事居儒慕釋以政治無不行仁信

道崇僧就因果而思種福承平國界安樂身心因知處豐屋何如方丈馳良馬何如振錫錦衣耀世不似袈裟金玉滿堂本還虛白久食珍者豈觀飯來香積聽樂者豈聞梵音響際此昌期之世還尋歡喜之園有為無為並行不悖敬於昔歲曾延得法堂頭師諱大汕字石濂願固弘深慈心憫世依報無量道啓三乘修行之有宗旨如水木之有本源發跡浙西傳心天界余親承棒喝一一水乳相資如摘蜜付心印更欲踵跡靈山但素慚不敏兢兢業業以維持仰鑽瞻忽欲竭吾才而未已荷擔有日得法多年願建瓊樓金莖擇地就順化之上游鸞山鳳嶺分枝龍之西落穿田過峽結禪鋪衲雄起伏而左結臨江迄突地清涼依舊貫之天姥禪關欲鼎新南天之佛國宜捐白壁不惜黃金但國例傳來土木工軍兼之而恐勞不比岐周民助之而不日憚延歲月浩大工程加有勤正之臣掌奇大掌奇永掌監綿等職副監修就軍選擇多中取少少中取精用其力而賞其功信以誠孚恩咸並濟鳩工督匠計一年由山門而天王殿玉皇殿大雄寶殿說法堂藏經樓兩傍則鐘鼓樓十王殿雲水堂知味堂禪堂大悲殿藥師殿僧寮禪舍不下數十所而後毘耶園方丈等又不下數十所皆金碧輝煌觀之者令人怡神驚目宛若金色世界一光明藏也余喜之無已廣作佛事居於毘耶園一月日常觀瞻登斯經樓豁然開泰縱目憑欄東則麗日懸空照群生而毓毓南則峻嶺千重晴巒特拔帶白雲而不盡峙秀色以無窮卓立文峰國啓文明之治西則蒼松翠柏疊障如屏若護禪關北則回望正府猗猗綠竹隱萬戶之名園習習薰風拂千門之聚落目前妙景繪士難圖剎內莊嚴人多瞻仰以六種之成就冀億萬之流傳偶記法數之起也從一剎至一洛剎從一洛剎至一俱祇從一俱祇至一僧祇從一僧祇至一高出從一高出至不可轉無邊無礙無缺無極成住壞空空不相凌妙其不息豈不遠乎總之還歸聖諦證大光明禪國家建今甌之固群臣茂松柏之年四境清平萬民樂業路聽含哺鼓腹堂聞撫瑟彈琴有為而入無為之法化也自茲而後繼往開來以法法之相承燦燈燈之朗燄吾師已逝復望高僧飛杖錫而過隘山駕慈航而泛越海同宣妙偈助贊宗風念此時人夢深未覺舉盤金斧而開大好山挽奔流之洞水拂寶鏡之埃塵互相利益參究天人願阮門遠近宗親咸登法會永為福主掄作伽藍內外咸屬共證菩提余受無疆之頌長逢大有之年土宇闢開農商盛集兵強國富守業安時以茲勝慨臣請立言庶至道之有徵是願心之無倦走筆記前銘之于後其銘曰

越國之南兮佳水佳山
寶剎之壯兮日照禪關
性之清淨兮溪響潺潺
國之莫安兮四境幽閒
無為之化兮儒釋同班
記茲勝慨兮因果迴還
建標立的兮誠存邪閑

時永盛十一年歲次乙未初冬之吉日立

Phiên âm:

Ngự kiến Thiên Mục tự

Quốc chủ Nguyễn Phúc Chu tự Động thượng chính tông tam thập thế, pháp danh Hưng Long, hiệu Thiên Túng đạo nhân, đỉnh kiến Thuận Hóa Thiên Mục tự bi ký minh

Cái văn:

Khuếch nhiên vô tượng, chí đạo hề ngôn. Phật thể tính không, bản nguyên thanh tịnh. Chư tướng cụ túc nhi giác chiếu viên dung. Pháp bát nhệ môn, lý quy nhất nghĩa. Thiên diệc tuyền hoàn, địa vô trung ngoại. Địa thủy hỏa phong, tứ luân tương nhân. Phật tính hư minh, kỳ thể trạm triệt. Biến Phật thể nhi vi Kim Sắc giới. Kim Sắc giới trung hữu Hương Thủy hải. Hương Thủy hải trung hữu Quang Minh tạng. Phục hữu Bảo Lâm hoa hương di mạn, chu biến Phật thổ đẳng Hằng sa giới. Thị nhất Quang Minh tạng. Cư thử Quang Minh tạng nhi y báo, chính báo chi nhân

đur! Tri thử nhân giả tam thân vô hữu sai biệt, thiên địa đẳng tứ duy vô hữu viễn cận. Phật tính, chúng sinh tính giai lưu nhập Tỳ Lư Già Na Trí Tạng chi hải. Nhân hữu huyết mạch, địa hữu quỹ tịch. Thương hải chi nam, ngô Việt chi khu yên. Quần sơn điều đệ ư tây nam, hồng ba hạo hãn ư đông bắc. Kim sa vạn bộ hoãn trạch, quốc dĩ trường ninh; ngọc thủ bà sa ẩm hải, thiên nhi vĩnh mậu. Ngũ tài phồn thứ, tam thổ cao tư. Hồ tự sở ngu, điều như tường phụng. Cổ lai tục mỹ, hỷ đắc nhân hòa. Hà tính thiện dĩ vi tông, canh tâm lương nhi ứng sự. Cư Nho mộ Thích, dĩ chính trị vô bất hành nhân; tín đạo sùng tăng, tựu nhân quả nhi tư chủng phúc. Thừa bình quốc giới, an lạc thân tâm.

Nhân tri:

Xử phong ốc hà như phương trượng, trì lương mã hà như chấn tích? Cầm y diệu thể, bất tự cà sa; kim ngọc doanh đường, bản hoàn hư bạch. Cửu thực trần giả, khởi quán phạn lai hương; tích thính nhạc giả, khởi văn phạm âm hưởng. Tế thử xương kỳ chi thể hoàn tầm hoan hỷ chi viên. Hữu vi vô vi tịnh hành bất bội. Kính ư tích tuế tăng diên đắc pháp Đường đầu sư hựu Đại Sán, tự Thạch Liêm, nguyện cổ hoàng thâm, từ tâm mãn thể. Y báo vô lượng, đạo khai tam thừa. Tu hành chi hữu tông chỉ, như thủy mộc chi hữu bản nguyên. Phát tích Chiết Tây, truyền tâm thiên giới. Dư thân thừa bồng hát, nhất nhất thủy nhũ tương tư như trích mật phó tâm ấn. Cánh dục chủng tích Linh Sơn, dẫn tổ tâm bất mất. Căng căng nghiệp nghiệp dĩ duy trì. Ngưỡng toàn chiêm, hốt dục kiệt ngô tài nhi vị dĩ, hà đảm hữu nhật. Đắc pháp đa niên, nguyện kiến quỳnh lâu kim hành; trạch địa tựu Thuận Hóa chi thượng du, loan sơn phụng lĩnh phân chi; Long chi tây lạc, xuyên điền quá giáp, kết nhục phô nhân. Hùng khởi phục nhi tả kết lâm giang nhất đột địa thắng thanh lương. Y cứu quán chi Thiên Mục thiền quan, dục đỉnh tân Nam thiên chi Phật quốc. Nghi quyền bạch bích, bất tích hoàng kim. Dẫn quốc lệ truyền lai, thổ mộc công quân kiêm chi nhi khủng lao bất tỷ kỳ chu, dân trợ chi nhi bất nhật đạn diên tuế nguyệt. Hạo đại công trình, gia hữu cần chính chi thần, chương cơ, đại chương cơ, vĩnh chương, giám miên đẳng chức. Phó giám tu tựu quân tuyển trạch, đa trung thủ thiếu, thiếu trung thủ tinh. Dụng kỳ lực nhi thường kỳ công, tín dĩ thành phu, ân hàm tịnh tế. Cửu công đốc tượng kê nhất niên. Do sơn môn nhi Thiên Vương điện, Ngọc Hoàng điện, Đại Hùng bảo điện, Thuyết Pháp đường, Tàng Kinh lâu. Lương bàng tác Chung Cổ lâu, Thập Vương điện, Vân Thủy đường, Tri Vị đường, Thiền đường, Đại Bi điện, Dược Sư điện, tăng liêu thiên xá bát hạ số thập sở, nhi hậu Tỳ Da viên nội phương trượng đẳng xứ hựu bát hạ số thập sở. Giai kim bích huy hoàng; quan chi giả linh nhân di thần kinh mục, uyển nhược Kim Sắc thể giới, nhất Quang Minh tạng đã. Dư hỷ chi, vô dĩ quảng tác Phật sự, cư ư Tỳ Da viên nhất nguyệt, nhất thường quan chiêm. Đẳng tư Kinh lâu, khoát nhiên khai thái, tủng mục bằng lan. Đồng tác lệ nhật huyền không, chiếu quần sinh nhi dục dục. Nam tác tuần lĩnh thiên trùng, tình loan đặc bạt, đài bạch vân nhi bất tận, trí tú sắc dĩ vô cùng; trác lập văn phong, quốc khai văn minh chi trị. Tây tác thương tùng thúy bách, điệp chương như bình, nhược hộ thiền quan. Bắc tác hồi vọng chính phủ, y y lục trúc ẩn vạn hộ chi danh viên; tập tập huân phong phát thiên môn chi tụ lạc. Mục tiền diệu cảnh, hội sĩ nan đồ. Sát nội trang nghiêm, nhân đa chiêm ngưỡng. Dĩ lục chủng chi thành tựu, ký ức vạn chi lưu truyền. Ngẫu ký pháp số chi khởi dĩ. Tùng nhất sát na chí nhất lạc sát, tùng nhất lạc sát chí nhất câu kỳ, tùng nhất câu kỳ chí nhất tăng kỳ, tùng nhất tăng kỳ chí nhất cao xuất, tùng nhất cao xuất chí bất khả chuyển. Vô biên vô ngại, vô khuyết vô cực; thành trú hoại không, không bất tương lãng. Diệu kỳ bất tức, khởi bất viễn hồ? Tổng chi, hoàn quy thánh đế, chứng đại quang minh. Tỳ quốc gia kiến kim âu chi cổ, quần thần mậu tùng bách chi niên. Tứ cảnh thanh bình, vạn dân lạc nghiệp. Lộ thính hàm bồ cổ phúc, đường văn phủ sát đàn cầm. Hữu vi nhi nhập vô vi chi pháp hóa đã.

Tự tư nhi hậu, kế vãng khai lai; dĩ pháp pháp chi tương thừa, xán đấng đấng chi lẫm diệm. Ngô sư dĩ thế, phục vọng cao tăng. Phi tượng tích nhi quá ải sơn, giá từ hàng nhi phiếm Việt hải. Đồng tuyên diệu kệ, trợ tán tông phong. Niệm thử thì nhân, mộng thâm vị giác. Cử bàn kim phủ nhi khai đại hảo sơn, văn bốn lưu chi động thủy, phát bảo kính chi ai trần. Hổ tương lợi ích, tham cứu thiên nhân. Nguyễn Nguyễn môn viễn cận tông thân hàm đấng pháp hội, vĩnh vi phúc chủ, luân tác già lam; nội ngoại thích thuộc cộng chứng bồ đề. Dư thụ vô cương chi tụng, trường phùng đại hữu chi niên. Thổ vũ tịch khai, nông thương thịnh tập; binh cường quốc phú, thủ nghiệp an thì. Dĩ tư thắng khái, thần thỉnh lập ngôn. Thứ chí đạo chi hữu trưng, thị nguyện tâm chi vô quên. Tấu bút ký tiền, minh chi vu hậu. Minh viết:

Việt quốc chi nam hề, giai thủy giai san.
 Bảo sát chi tráng hề, nhật chiếu thiên quan.
 Tính chi thanh tĩnh hề, khô hưởng sần sần.
 Quốc chi điện an hề, tứ cảnh u nhân.
 Vô vi chi hóa hề, Nho Thích đồng ban.
 Ký tư thắng khái hề, nhân quả hồi hoàn.
 Kiến tiêu lập đích hề, thành tồn tà nhân.

Thì: Vĩnh Thịnh thập nhất niên, tuế thứ Ất Mùi, sơ đông chi cát nhật lập.

2. Văn thơ trên hai bia của vua Thiệu Trị

2.1. Bài văn bia tháp Phước Duyên

Nguyên văn:

御製天姥寺福緣寶塔碑

朕聞

儒有聞善以相告也見善以相示也能用善人民之主也昔兜率天降神西域值於周昭涅槃成道值於周穆凡說教言生之類皆因行業有三世識神不滅凡為善惡必有報應漸積勝業陶冶羶鄙經無數形澡煉神明乃得成道也蓋窮理盡性大覺之稱也其道虛玄固已妙絕常境心不可以智知形不可以象測同萬物之為而居不為之域處言數之內而止無言之鄉非有而不可為無非無而不可為有寂寞虛曠物莫能測起無緣之慈應有機之名迄于漢明而道濟百靈法傳千古語其跡也則行滿三祇相圓百劫降神而乘玉象掩耀而誕金安三十二祥麻徵開於地府一十八梵禎瑞駭於天宮靈相周於千方神光顯乎八極述其本也則久證圓明塵沙莫能算其壽早登寂照虛空無以量其體性開發菩提心勸人為善弘施方便力濟眾歸良此是生善之妙緣薦行之深福也故出其言善則千里之外應之德無常師主善為師去煩宥善莫不競勸民之秉彝好是懿德彰善殛惡以示民厚民日遷善而不知為之者是以天下皆知美之為美斯惡已佳知善之為善斯不善已大學八條皆止於至善雖法不二門而道涵一理者也粵我大南天生聖人提造山河肇開邦國閱山川之形勝有河溪之平原突起高崗蟠龍回顧前臨香水道味之源淵涵後鎮平湖清淨之境自在詢知天姥時降曰應天順人真主興建梵宮聚靈氣以固龍脈信如其言也辛丑四十四年乃建天姥寺于是山以表發祥定鼎之福地者也聖明世出廣被善緣庚寅十九年鑄大洪鐘甲午二十三年重修梵宇閱一年而落成乙未豎碑垂示許從此寶殿經樓禪堂慧室交相參錯絡繹巒峻儼然驚嶺風光也嘉隆乙亥再重恢金壁增輝明命年來復整理丹邱愈壯總皆釜鉤輿情為民祈福也寺之建閱歷茲二百四十五年勝蹟名藍其來尚存矣朕祈承先澤用廣前因古希增祐僊齡大衍追完香願慈仁長在世德作求今國家閒暇之時正中外穩寧之際聊之國帑築七級之浮圖闡發善緣布萬方之仁澤乃親定體制命武林營右翼統制黃文厚重修造建於紹治甲辰迨于乙巳閱兩載而告成起自山巔蠡空而上高以古尺度得八十七尺有零以今尺度成五丈三尺二寸皆不費民財不動民力以天府之帑宿衛之兵鳩工鼎建從容全成附構高亭顏之為香願綾霄寶塔名之為福緣廣推覺悟群生福緣萬善昭著化通四大功德十方永衍慈恩咸孚眾願敬於塔中

七層各奉金身世尊常圓月相照依釋典奉古佛以來其第一過去毘婆尸佛其第二尸棄佛其第三毘舍浮佛其第四拘留尊佛其第五拘那含牟尼佛其第六迦葉佛其第七中天調御本師釋迦牟尼佛西天極樂法王陪之有阿難迦葉尊者莊嚴色相寶珞焜煌如是紺園寶刹之前建窣堵波又七寶金支提依稀金色世界之中有香水海最上乘光明藏自性不歸無所歸處大福從心生不在田一念忠能行六波羅密多心不生滅即是常道故塔高其道彌高福廣其緣益廣巍峨峙立對兩間而布獲曇雲崩岩直衝標萬宇而輝煌慧日七層璀璨登臨而八表普光百仞岑嶽照徹而三途了悟淨髓澄澄有會法海遙涵群峰歷歷低看靈山仰止鐘聲穿樹蔭玄入圓通塔影聳天垠妙咸證覺際此孟蘭之會開三七水陸道場燎他苦藹之香普大天幽冥說法七寶之塔長留于自在天一誠之心大願于真如佛瑤臺晉祉康彊無量壽之增隆瓊派流輝引翼美同休之貞吉家齊國治丕丕基億載龐洪時若年豐生生眾群方富庶內安外靜謳歌含哺于康衢君明臣良喜起賡頌于堂陛方不負培福祉於淨土諒可為闡善緣於寶洲佛日增輝國恩常在莫謂虛無寂滅自有證明默扶感應麻徵追思完願也夫慈悲之立教以善為本善念在心心即佛也論語曰擇其善者而從之易言君子遠惡揚善順天休命書云作善降之百祥降之百祥祥無傷於國經次少補於王化者也閣臣叩請數言用顯崇微而彰勝概爰不吝萬機清暇翰墨之娛擒毫以紀之繫銘而識也其銘曰

皇天眷命兮篤生聖神	禪關增賁兮勝蹟絕倫
闢我炎疆兮惠我烝民	世彰國慶兮時轉法輪
建篤基勤兮定鼎富春	瑤圖永奠兮寶塔煥新
教人為善兮如聖與仁	咸躋仁壽兮福祿駢臻

時紹治六年四月吉日建

Phiên âm:

Ngự chế Thiên Mục tự Phước Duyên bảo tháp bi

Trẫm văn:

Nho hữu: “Văn thiện dĩ tương cáo dã, kiến thiện dĩ tương thị dã; năng dụng thiện nhân, dân chi chủ dã”. Tích Đâu Suất thiên giáng thần Tây Vực, trị ư Chu Chiêu; niết bàn thành đạo trị ư Chu Mục. Phàm thuyết giáo, ngôn sinh sinh chi loại giai nhân hành nghiệp, hữu tam thể thức thần bất diệt. Phàm vi thiện ác, tất hữu báo ứng; tiệm tích thắng nghiệp, đào dã thô bỉ, kinh vô số hình, thao luyện thần minh, nãi đắc thành đạo dã. Cái cùng lý tận tính, đại giác chi xưng dã. Kỳ đạo hư huyền, cổ dĩ diệu tuyệt thường cảnh; tâm bất khả dĩ trí tri, hình bất khả dĩ tượng trắc; đồng vạn vật chi vi, nhi cư bất vi chi vực; xử ngôn số chi nội nhi chỉ vô ngôn chi hương. Phi hữu nhi bất khả vi vô, phi vô nhi bất khả vi hữu. Tịch mịch hư khoáng, vật mạc năng trắc. Khởi vô duyên chi từ, ứng hữu cơ chi danh. Ngật vu Hán Minh nhi đạo tế bách linh, pháp truyền thiên cổ. Ngữ kỳ tích dã, tắc hạnh mãn tam kỳ, tướng viên bách kiếp; giáng thần nhi thừa ngọc tượng, yểm diệu nhi đàn kim tư. Tam thập nhị tường hư trung, khai ư địa phủ; nhất thập bát phạm trình thủy, hải ư thiên cung. Linh tướng chu ư thiên phương, thần quang hiển hồ bát cực. Thuận kỳ bản dã, tắc cứu chúng viên minh, trần sa mạc năng toán kỳ thọ; tảo đẳng tịch chiếu, hư không vô dĩ lượng kỳ thể tính. Khai phát bồ đề tâm, khuyến nhân vi thiện; hoằng thí phương tiện lực, tế chúng quy lương. Thử thị sinh thiện chi diệu duyên, tiến hạnh chi thâm phúc dã. Cổ xuất kỳ ngôn thiện tắc thiên lý chi ngoại ứng chi; đức vô thường sư, chủ thiện vi sư. Khử phiền hựu thiện, mạc bất cạnh khuyến dân chi bình di; hảo thị ý đức, chương thiện, đàn ác dĩ thị dân hậu. Dân nhật thiện thiện nhi bất tri vi chi giả; thị dĩ thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ. Đại học bát điều diệc tại chỉ ư chí thiện. Tuy pháp bất nhị môn nhi đạo hàm nhất lý giả dã.

Việt ngã Đại Nam, thiên sinh thánh nhân, đề tạo sơn hà, triệu khai bang quốc. Duyệt sơn xuyên chi hình thắng, hữu Hà Khê chi bình nguyên, đột khởi cao cương, bàn long hồi cổ. Tiền

lâm Hương thủy, đạo vị chi nguyên uyên hàm; hậu trấn Bình hồ, thanh tịnh chi cảnh tự tại. Tuân tri Thiên Mục thì giáng, viết: Ứng thiên thuận nhân, chân chủ hưng kiến phạm cung, tụ linh khí dĩ cổ long mạch. Tín như kỳ ngôn dã. Thì Tân Sửu tứ thập tứ niên nãi kiến Thiên Mục tự vu thị sơn dĩ biểu phát tường định đỉnh chi phúc địa giả dã. Thánh minh thể xuất, quảng bị thiện duyên. Canh Dần thập cửu niên, chú đại hồng chung. Giáp Ngọ nhị thập tam niên, trùng tu phạm vũ; duyệt nhất niên nhi lạc thành. Ất Mùi thụ bi thủy thị hứa. Túng thử bảo điện, kinh lâu, thiên đường, tuệ thất giao tương tham thác, lạc dịch tăng lã, nghiêm nhiên Thửu Lĩnh phong quang dã. Gia Long Ất Hợi tái trùng khôi, kim bích tăng huy. Minh Mạng niên lai tái chỉnh lý, đan khâu dĩ tráng. Tổng giai phủ tuần dư tình, vị dân kỳ phúc dã. Tự chi kiến duyệt lịch tự nhị bách tứ thập ngũ niên, thắng tích danh lam kỳ lai thượng tồn hỹ.

Trăm kỳ thừa tiên trạch, dụng quảng tiền nhân. Cổ hy tăng hựu tiên linh, đại diễn truy hoàn hương nguyện. Từ nhân trường tại, thể đức tác cầu. Kim quốc gia nhân hạ chi thì, chính trung ngoại ổn ninh chi tế. Liêu chi quốc nô, trúc thất cấp chi phù đồ; xiển phát thiện duyên, bố vạn phương chi nhân trạch. Nãi thân định thể chế, mệnh Vũ Lâm dinh Hữu Dực Thống chế Hoàng Văn Hậu đồng tu tạo kiến, ư Thiệu Trị Giáp Thìn đãi vu Ất Ty, duyệt lưỡng tải nhi cáo thành. Khởi tự sơn điền súc không nhi thượng, cao dĩ cổ xích đặc đặc bát thập thất xích hữu linh, dĩ kim xích đặc thành ngũ trọng tam xích nhị thốn, giai bất phí dân tài, bất động dân lực; dĩ thiên phủ chi nỗ, túc vệ chi binh, cứu công đỉnh kiến, thung dung toàn thành. Phụ cầu cao đình, nhan chi vi Hương Nguyên; tăng lã bảo tháp, danh chi vi Phước Duyên. Quảng suy giác ngộ quần sinh, phước duyên vạn thiện; chiêu trừ hóa thông tứ đại, công đức thập phương. Vĩnh diễn từ ân, hàm phu chúng nguyện.

Kính ư tháp trung thất tăng các phụng kim thân Thế Tôn, thường viên nguyệt tướng. Chiếu y Thích diễn phụng cổ Phật dĩ lai, kỳ đệ nhất Quá Khứ Tỳ Bà Thi Phật, đệ nhị Thi Khí Phật, đệ tam Tỳ Xá Phù Phật, đệ tứ Câu Lưu Tôn Phật, đệ ngũ Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, đệ lục Ca Diếp Phật, đệ thất Trung Thiên Điều Ngự Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Văn Phật, Tây Thiên Cực Lạc Pháp Vương, bồi chi hữu A Nan, Ca Diếp tôn giả. Trang nghiêm sắc tướng, bảo lạc hỗn hoàng, như thị Cấm Viên. Bảo sát chi tiền kiến tốt đồ ba, hựu thất bảo kim chi, đề y hy Kim Sắc thế giới chi trung hữu Hương Thủy hải, Hương Thủy hải tối thượng thừa Quang Minh tạng. Tự tính bất quy vô sở quy xứ, đại phúc từng tâm sinh bất tại điền. Nhất niệm trung năng hành lục ba la mật đa, tâm bất sinh diệt tức thị thường đạo. Cổ tháp cao kỳ đạo di cao, phúc quảng kỳ duyên ích quảng. Ngụy nga trí lập, đối lưỡng gian nhi bố hoạch đàm vân; trắc lạc trực xung, tiêu vạn vũ nhi huy hoàng tuệ nhật. Thất tăng thời xán, đăng lâm nhi bát biểu phổ quang; bách nhận sầm khâm, chiếu triệt nhi tam đồ liễu ngộ. Tịnh thủy trừng trừng hữu hội, pháp hải dao hàm; quần sơn lịch lịch đề khan, linh sơn ngưỡng chỉ. Chung thanh xuyên thụ ẩm, huyền nhập viên thông; tháp ảnh từng thiên ngân, diệu hàm chứng giác. Tế thử Vu Lan chi hội, khai tam thất thủy lục đạo trường; liệu tha chiêm bậc chi hương, phổ đại thiên u minh thuyết pháp. Thất bảo chi tháp, trường lưu vu tự tại thiên; nhất thành chi tâm, đại nguyện vu chân như Phật.

Dao đài tấn chỉ, khang cường vô lượng thọ chi tăng long; Quỳnh phái lưu huy, dẫn dục mỹ đồng hựu chi trình cát. Gia tề quốc trị, phi phi cơ ức tải bằng hồng; thì nhĩ niên phong, sinh sinh chúng quần phương phú thứ. Nội an ngoại tĩnh, âu ca hàm bộ vu khang cù; quân minh thần lương, hỷ khởi canh dương vu đường bệ. Phương bất phụ bồi phúc chỉ ư tịnh thổ, lượng khả vi xiển thiện duyên ư bảo châu. Phật nhật tăng huy, quốc ân thường tại. Mặc vị hư vô tịch diệt, tự hữu chứng minh; mặc phù cảm ứng hựu trưng, truy tư hoàn nguyện dã. Phù! Từ bi chi lập giáo,

dĩ thiện vi bản. Thiện niệm tại tâm, tâm tức Phật dã. Luận ngữ viết: “Trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi”, Dịch ngôn: “Quân tử dĩ bức ác dương thiện, thuận thiên hựu mệnh”. Thư vân: “Tác thiện giáng chi bách tường”. Lượng vô thương ư quốc kinh, thứ thiếu bổ ư vương hóa giả dã. Các thần khẩu thỉnh phu ngôn dụng hiển sùng huy nhi chương thắng khái. Viên bất lạn, vạn cơ thanh hạ, hàn mặc chi ngu, cầm hào dĩ kỷ chi, hệ minh nhi thức dã. Minh viết:

Hoàng thiên quyển mệnh hề đốc sinh thánh thần.
Tịch ngã viêm cương hề huệ ngã chứng dân.
Kiến đốc cơ cần hề định đỉnh Phú Xuân.
Giáo nhân vi thiện hề như thánh dữ nhân.
Thiền quan tăng bí hề thắng tích tuyệt luân.
Thế chương quốc khánh hề thì chuyển pháp luân.
Dao đồ vĩnh điện hề bảo tháp hoán tân.
Hàm tê nhân thọ hề phúc lộc biên trần.

Thì: Thiệu Trị lục niên tứ nguyệt cát nhật kiến.

2.2. Bia khắc thơ của vua Thiệu Trị

Nguyên văn:

[Bài 1]

御製詩天姥鐘聲 (神京第十四景)

天姥寺亭毒儲精山川靈爽龍蟠回首遙拱京城虎嘯高蹲俯臨香派闡發蓮花之法界妙含貝葉之真詮天眷聖而肇基此地降祥神女聖承天而積福斯山營建梵宮故有是名永留勝跡垂明聖念圓滿善緣睹碑文而金壁增輝聽鐘響而寶洲覺悟

高崗古剎鎮前川	噌宏午日幽冥感
月相常圓自在天	嘹曉寅宵道味玄
八百洪聲消百結	佛跡聖功隨海宇
三千世界醒三緣	善因福果普垓延

[Bài 2]

幸天姥寺

命皇子皇弟拈香頂禮偶得一律

惟善應為寶	危微精一妙
非無好善焉	空色悟三緣
義仁深有契	般若巴羅密
智慧且兼全	菩提福果圓
吾道兩間在	慈雲垂海岳
禪關萬化玄	法雨利人天 ^(a)

[Bài 3]

幸天姥寺偶題

古剎徵祥勝蹟傳	朝擁帝城龍脈旺
于茲二百四十年 ^(b)	增輝梵宇鶯峰鮮
菩提樹蔭圓明地	承庥先澤施仁政
苦蔔香熏自在天	積福寰瀛闡善緣

[Bài 4]

天姥寺中元

此夕名藍勝事哉	冠蓋相望歸善覺
苾芻水陸道場開	舟沙絡繹訪禪來
波涵月伴雲間塔	願弘普濟群生福
風度鐘傳嶺上臺	如是無邊眾妙垓

[Bài 5]

節交末伏夏季秋初乃近來夾旬霽雨余之憂民憫農無時或暇經命承天府之府丞阮中義禱雨於會同廟兩次未獲輒應誠恐連日恒暘必至愴余心務本重念民天更加焦急適天姥寺築福緣寶塔落成皇子等蠲以本月初六日奉金身世尊高登寶塔諷經祝嘏侍衛大臣林維義起草梵章皇幼子持將已聞余正方望雨偶搦管加題其上云現今正值秋暘遍處情殷望澤願布慈曇早應庶以昭靈祈施法雨普霑足為証驗等句本日果見濃雲密布甘雨普霑灑落繽紛淋冷霽霽既無飄飄颻颻之虞且得涼爽宜人之喜尋據領承天府之掌提督阮文德等奏敘此雨傍霑禾麥菜蔬田園舉皆茂遂據工部臣稱漕運上京七八十艘是日一皆直進海口均無患風濤收泊穩妥余原意憫秋田而祈霖惠生民之本又恐正在漕運之期若陣雨雷鳴風號浪起必致多生不便自笑杞人之憂妨風鏈繚然憂民一念夕惕朝乾輒題於梵章抒誠默禱詎蒙照鑒不遠隨應於影響之間霈澍淋漓而無雄風猛冽寔法雨惠人故兩得其美誠為寅感激切之至也爰製詩章用申賽謝云耳

七級浮圖闡道源	濟旱感懷憑佛力
落成初禱輒隨言	惠民寅謝荷天恩
慈雲布獲高低狀	萬祈萬應期如願
法雨敷霑遠近村	一念南無我世尊

[Bài 6]

登福緣寶塔得句

弘推仁澤觀光前	杖頭指住猶能濟
七級浮圖造福緣	海上昭靈更入玄
縱覽山河心廣覺	八萬四千空色語
長留亭毒道彌堅	貞岷此塔諒堪傳

[Bài 7]

香願亭

(用進退格)

築塔落成又諷經	色相莊嚴三寶在
前因圓滿福群生	法輪常轉六塵清 ^(c)
堂開普濟澄雲水	大千遍處咸歸善
碑誌長存耀日星	性地情天集萬靈

[Bài 8]

又中元寂默坐禪指微哂自訓作

道咸一理執中焉	浪談集福清都會 ^(d)
法不二門萬化全	空憶尋章赤壁船 ^(e)
韓愈可憐孤直節	世故人情千古事
元和堪嘆亶修禪 ^(d)	如來說法教無偏

紹治六年吉日恭鐫

[Nguyên chú]

(a) 是日朝分晴旭入寺已見慈雲遍覆回宮休暇法雨敷施固詠及耳

(b) 陸游老學庵筆記十轉平聲付讀爲謚宋文安公宮詞三十六所春宮館

(c) 堂上建法輪隨風常轉

(d) 韓愈直諫表曰近聞陛下七月十五日幸安國寺觀禮空王以爲崇福矣信是天下人心誠可憫哉云云嗣又以迎佛骨復上表極諫憲宗大怒欲抵死崔群裴度等爲力言乃貶潮州刺史

(đ) 道藏經此日太上老君同元始天尊會集福世界

(e) 蘇子赤壁賦壬戌之秋七月既望蘇子與客泛舟遊於赤壁之下云云

Phiên âm:

[Bài 1]

**Ngự chế thi Thiên Mục chung thanh
(Thần kinh đệ thập tứ cảnh)**

Thiên Mục tự: Đình độc trừ tình, sơn xuyên linh sáng. Long bàn hồi thủ, dao củng Kinh thành; hổ khiêu cao tôn, phủ lâm Hương phái. Xiển phát liên hoa chi pháp giới; diệu hàm bồ diệp chi chân thuyền. Thiên quyển thánh nhi triệu cơ, thử địa giáng tường thần nữ; thánh thừa thiên nhi tích phúc, tư sơn dinh kiến phạm cung. Cổ hữu thị danh, vĩnh lưu thắng tích. Thủy minh thánh niệm, viên mãn thiện duyên. Đổ bi văn nhi kim bích tăng huy; thính chung hưởng nhi bảo châu giác ngộ.

Cao cương cổ sát trấn tiền xuyên,
Nguyệt tướng thường viên tự tại thiên.
Bát bách hồng thanh tiêu bách kết,
Tam thiên thế giới tình tam duyên.
Tăng hoành ngộ nhật u minh cảm,
Liêu lượng dần tiêu đạo vị huyền.
Phật tích thánh công tùy hải vũ,
Thiện nhân phước quả phổ cai diên.

[Bài 2]

**Hạnh Thiên Mục tự, mệnh hoàng tử hoàng đệ
niêm hương đỉnh lễ, ngẫu đắc nhất luật**

Duy thiện ứng vi bảo,	Nguy vi tình nhất diệu,
Phi vô hiếu thiện yên.	Không sắc ngộ tam duyên.
Nghĩa nhân thâm hữu khế,	Bát nhã ba la mật,
Trí tuệ thả kiêm tuyên.	Bồ đề phước quả viên.
Ngô đạo lưỡng gian tại,	Từ vân thủy hải nhạc,
Thiên quan vạn hóa huyền.	Pháp vũ lợi nhân thiên. ^(a)

[Bài 3]

Hạnh Thiên Mục tự ngẫu đề

Cổ sát trưng tường thắng tích truyền,	Triều ủng đế thành long mạch vượng,
Vu tư nhị bách tứ thâm ^(b) niên.	Tăng huy phạm vũ Thửu phong tiên.
Bồ đề thụ ẩm viên minh địa,	Thừa hựu tiên trạch thi nhân chính,
Chiêm bậc hương huân tự tại thiên.	Tích phước hoàn doanh xiển thiện duyên.

[Bài 4]**Thiên Mục tự Trung nguyên**

Thử tịch danh lam thắng sự tai!	Quan cái tương vương quy thiện giác,
Bật sô thủy lục đạo trường khai.	Chu xa lạc dịch phỏng thiên lai.
Ba hàm nguyệt bạn vân gian tháp,	Nguyện hoàng phổ tế quần sinh phước,
Phong độ chung truyền lĩnh thượng đài.	Như thị vô biên chúng diệu cai.

[Bài 5]

Tiết giao mặt phục hạ quý thu sơ, nãi cận lai giáp tuần sắc vũ. Dư chi ưu dân mẫn nông, vô thi hoặc hạ, kinh mệnh Thừa Thiên phủ chi Phủ thừa Nguyễn Trung Nghĩa đảo vũ ư Hội Đồng miếu, lưỡng thứ vị hoạch triếp ứng. Thành khủng liên nhật hằng dương, tất chí thương hòa. Dư tâm vụ bản, trọng niệm dân thiên cánh gia tiều, cấp thích Thiên Mục tự trúc Phước Duyên bảo tháp. Lạc thành, hoàng tử đẳng quyền dĩ bản nguyệt sơ lục nhật phụng kim thân Thế Tôn cao đẳng bảo tháp, phúng kinh chúc hỷ. Thị vệ đại thần Lâm Duy Nghĩa khởi thảo phạm chương, hoàng ấu tử tri tương dĩ văn. Dư chính phương vọng vũ, ngẫu nạch quần gia đề kỳ thượng vân: “Hiện kim chính trị thu dương, biến xứ tình ân vọng trạch. Nguyện bố từ đàm tảo ứng, thứ dĩ chiêu linh; kỳ thi pháp vũ phổ triêm, túc vi chứng nghiệm” đẳng cú. Bản nhật quả kiến nùng vân mặt bố, cam vũ phổ triêm, sái lạc tân phân, lâm linh mộc mạch. Ký vô phiêu diêu tấp địa chi ngu, thả đắc lương sảng nghi nhân chi hỷ. Tầm cứ lãnh Thừa Thiên phủ chi chương Đề đốc Nguyễn Văn Đức đẳng tấu tự, thử vũ bàng triêm, hòa mạch thái sơ điền viên cử giai mậu. Toại hựu cử Công Bộ thần tấu xưng, tào vận thượng kinh thất bát thập sưu, thị nhật nhất giai trực tiến hải khẩu, quân vô hoạn phong đào, thu bạc ổn thỏa. Thả dư nguyên ý mẫn thu điền nhi kỳ lâm huệ sinh dân chi bản, nhược trận vũ lỗi minh phong hào lãnh khởi, tất trí đa sinh bất tiện. Tự tiểu Kỳ nhân chi ưu, bàng hoàng khiển quyền. Nhiên ưu dân nhất niệm, tịch dịch triều can, triếp đề ư phạm chương, trừ thành mặc đảo, cử mông chiếu giám. Bất viễn tùy ứng ư ảnh hưởng chi gian, bá thụ lâm lý nhi vô hùng phong mãnh liệt. Thực pháp vũ huệ dân, cố lưỡng đắc kỳ mỹ, thành vi dần cảm kích thiết chí chí dã. Viên chế thi chương dụng thân tái tạ vân nhĩ.

Thất cấp phù đồ xiển đạo nguyên [đọc *nguồn*],
 Lạc thành sơ đảo triếp tùy ngôn.
 Từ vân bố hoạch cao đề trạng,
 Pháp vũ phu triêm viễn cận thôn.
 Tế hạn cảm hoài bằng Phật lực,
 Huệ nông dần tạ hạ thiên ân.
 Vạn kỳ vạn ứng kỳ như nguyện,
 Nhất niệm nam vô ngã Thế Tôn.

[Bài 6]**Đặng Phước Duyên bảo tháp đắc cú**

Hoàng suy nhân trạch cận quang tiền,	Trượng đầu chỉ trú do năng tế,
Thất cấp phù đồ tạo phước duyên.	Hải thượng chiêu linh cánh nhập huyền.
Túng lâm sơn hà tâm quảng giác,	Bát vạn tứ thiên không sắc ngữ,
Trường lưu đình độc đạo di kiên.	Trinh mãn thử tháp lượng kham truyền.

[Bài 7]

Hương Nguyễn đình

(Dụng tiến thoái cách)

Trúc tháp lạc thành hựu phúng kinh,	Sắc tướng đoan nghiêm tam bảo tại,
Tiền nhân viên mãn phúc quần sinh.	Pháp luân thường chuyển lục trần thanh. ^(c)
Đường khai phổ tế trường vân thủy,	Đại thiên biến xứ hàm quy thiện,
Bì chí trường tồn diệu nhật tinh.	Tính địa tình thiên tiếp vạn linh.

[Bài 8] Hựu Trung nguyên tịch mặc tọa thiền chỉ vi, sản tự huấn tác

Đạo hàm nhất lý chấp trung yên,	Lãng đàm tập phúc Thanh Đô hội, ^(d)
Pháp bất nhị môn vạn hóa tuyền.	Không ức tầm chương Xích Bích thuyền. ^(e)
Hàn Dũ khả liên cô trực tiết,	Thế cổ nhân tình thiên cổ sự,
Nguyên Hòa kham thán đản tu thiền. ^(d)	Như Lai thuyết pháp giáo vô thiên.

Thiệu Trị lục niên tứ nguyệt cát nhật cung thuyên.

[Nguyên chú]

(a) Thị nhật triều phân tình húc, nhập tự dĩ kiến từ vân biến phú; hồi cung hựu hạ, pháp vũ phu thi, cổ vịnh cập nhĩ.

(b) Lục Du “Lão Học Am bút ký”: “Thập” chuyển bình thanh, khả đọc vi “thầm”. Tống Văn An công “Cung từ”: “Tam thầm lục sở xuân cung quán”.

(c) Đình thượng kiến pháp luân, tùy phong thường chuyển.

(d) Hàn Dũ trực gián biểu viết: “Cận văn bệ hạ thất nguyệt thập ngũ nhật hạnh An Quốc tự quan lễ Không Vương dĩ vi sùng phúc hỷ. Tín thị thiên hạ nhân tâm, thành khả mãn tai!” vân vân. Tự hựu dĩ nghênh Phật cốt phục thượng biểu cực gián. Hiến Tông đại nộ, dục đề tử. Thôi Quần, Bùi Độ đẳng vi lực ngôn, nãi biếm Triều Châu Thứ sử.

(đ) Đạo tạng kinh: Thử nhật Thái Thượng Lão Quân đồng Nguyên Thủy Thiên Tôn hội tập phúc thế giới.

(e) Tô Tử “Xích Bích phú”: “Nhâm Tuất chi thu, thất nguyệt ký vọng, Tô Tử dữ khách phiếm chu du ư Xích Bích chi hạ” vân vân.

3. Bia ghi việc sửa chữa của Bộ Công

Nguyên văn:

成泰十一年五月日

恭值慈裕博惠康壽太太皇太后九旬大慶節欽奉頒出宮帑大加修補七層寶塔煥然一新合紀慈恩永標勝跡

工部臣等奉誌

Phiên âm:

Thành Thái thập nhất niên ngũ nguyệt nhật.

Cung trị Từ Dũ Bác Huệ Khang Thọ Thái thái Hoàng Thái hậu cửu tuần đại khánh tiết, khâm phụng ban xuất cung nô, đại gia tu bổ thất tầng bảo tháp, hoán nhiên nhất tân. Hợ kỷ từ ân, vĩnh tiêu thắng tích.

Công Bộ thần đẳng phụng chí.

4. Bia ghi thơ và lời tựa của vua Khải Định

Nguyên văn:

御製天姥寺福緣寶塔臨幸偶成一律併序

孟子曰所謂故國者非謂有喬木之謂也有世臣之謂也予續之曰有名藍勝蹟之謂也奉我太祖嘉裕皇帝以橫山清吟決計圖南世傳遇天姬于此贈香一株囑帝持香沿江岸東行到香盡處可都成而寺興焉敕建寺奉佛命名天姥山靈姥寺奉我顯尊孝明皇帝命崇修鑄大鐘清晨涼夜叩辰聲聞數十里外蓋真佛家醒世之洪寶也奉我世祖高皇帝中興之初命工部大崇修建前堂于寺命名大雄殿暨我憲祖章皇帝祈我順天高皇后八旬聖壽遂因寺前築七層寶塔岫出兜天一座莊嚴俯臨香渚己未年季秋十五日朕乘輿臨幸命禮工二部將棲登上有所過去金身世尊七位燦爛輝煌光彩奪目焚香瞻仰久之四望躊躇宛如身在雷音中西望九陵蔚蔥佳氣南望屏印縹緲雲中東望都城樓臺盈視北望巨壑水色如藍真我國名藍之一奇景也爰成一律併序命勒于貞石以爲誌

天姥名藍駕晚來	伴矣當風澄俗慮
登臨何異到天台	虛無對景淨塵懷
七層寶塔沖霄立	環瞻勝蹟欽前烈
一座空門特地排	善念功修幾肇培

啓定四年十一月二十七日

Phiên âm:

Ngự chế Thiên Mục Phước Duyên bảo tháp lâm hạnh ngẫu thành nhất luật tính tự

Mạnh Tử viết: “Sở vị cố quốc giả, phi vị hữu kiều mộc chi vị dã, hữu thể thần chi vị dã”. Dư tục chi viết: “Hữu danh lam thắng tích chi vị dã”. Phụng ngã Thái Tổ Gia Dụ Hoàng đế dĩ Hoàng Sơn thanh ngâm quyết kế đồ Nam. Thế truyền đế ngộ Thiên ầu vu thử, tặng hương nhất châu, chúc đế trì hương duyên giang ngạn đông hành, đáo hương tận xứ khả đô, thành nhi tự hưng yên. Sắc kiến tự phụng phật, mệnh danh Thiên Mục sơn Linh Mục tự. Phụng ngã Hiến Tôn Hiếu Minh Hoàng đế mệnh sùng tu, chú đại chung, thanh thần lương dạ khẩu thời, thanh văn sở thập lý ngoại. Cái chân Phật gia tinh thể chi hồng bảo dã. Phụng ngã Thế Tổ Cao Hoàng đế trung hưng chi sơ, mệnh Công Bộ đại sùng tu, kiến tiền đường vu tự, mệnh danh Đại Hùng điện. Kỳ ngã Hiến Tổ Chương Hoàng đế kỳ ngã Thuận Thiên Cao Hoàng hậu bát tuần thánh thọ, tọa nhân tự tiền trúc thất tầng bảo tháp, ngọt xuất Đâu thiên, nhất tọa trang nghiêm, phủ lâm Hương chữ.

Kỷ Mùi niên quý thu thập ngũ nhật, trầm thừa dư lâm hạnh, mệnh Lễ Công nhị bộ tương thể đăng thượng, hữu quá khứ kim thân Thế Tôn thất vị, xán lạn huy hoàng, quang thái đoạt mục. Phần hương chiêm ngưỡng, cửu chi tứ vọng, trừ tri uẩn như thân tại Lôi Âm trung. Tây vọng cửu lăng, uất thông giai khí. Nam vọng Bình Ấn, phiêu diêu vân trung. Đông vọng đô thành, lâu đài doanh thị. Bắc vọng cự hác, thủy sắc như lam. Chân ngã quốc danh lam chi nhất kỳ cảnh dã. Viên thành nhất luật tính tự, mệnh lạc vu trình thạch dĩ vi chí.

Thiên Mục danh lam giá vẫn lai,	Bạn hoán đương phong trừng tục lự,
Đăng lâm hà dị đáo Thiên Thai.	Hư vô đối cảnh tịnh trần hoài.
Thất tầng bảo tháp xung tiêu lập,	Hoàn chiêm thắng tích khâm tiền liệt,
Nhất tọa không môn đặc địa bài.	Thiện niệm công tu kỷ triệu bồi.

Khải Định tứ niên thập nhất nguyệt nhị thập thất nhật.